BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT BẮC GIANG VÀ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT BẮC GIANG KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN THAM KHẢO BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ QUY CHẾ BÁN ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐẤU GIÁ.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT BẮC GIANG

TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ

CÔNG TY TNHH MTV THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT BẮC GIANG

Địa chỉ: Ngõ 6A, Đường Nguyễn Khắc Nhu, Phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang

Điện thoại: 0240.3854406 Fax: 0240.3527022

TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ THỰC HIỆN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Địa chỉ: Số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3726 2600 Fax: (84-4) 3726 2601

Hà Nội, tháng 11/2015

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA 6
1. Thông tin cơ bản về doanh nghiệp cổ phần hóa 6
2. Quá trình hình thành và phát triển 6
3. Ngành nghề kinh doanh 7
4. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu 8
5. Cơ cấu tổ chức của Công ty 8
6. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần 10
7. Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa 12
8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp 14
9. Danh sách công ty mẹ và công ty con 21
10. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa Công ty TNHH Một Thành viên Thông tin tín hiệu Đường sắt Bắc Giang 21
11. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành 28

II. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HÓA 30
1. Mục tiêu cổ phần hóa 30
2. Yêu cầu cổ phần hóa 30
3. Hình thức cổ phần hóa 30
4. Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa 30
5. Ngành nghề kinh doanh 31
6. Cơ cấu tổ chức 32
7. Một số thông tin chủ yếu về chiến lược phát triển doanh nghiệp và kế hoạch đầu tư sau khi cổ phần hóa 35
8. Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 03 năm liền kề sau khi cổ phần hóa 36

III. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ 41

IV. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 42
1. Rủi ro về kinh tế 42
2. Rủi ro về luật pháp 43
3. Rủi ro đặc thù ngành nghề hoạt động 44
4. Rủi ro của đợt chào bán 44
5. Rủi ro khác 44

V. CỔ PHẦN CHÀO BÁN 45
1. Thông tin chung về đợt chào bán 45
2. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần 45
3. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán 47
4. Xử lý số cổ phần không bán hết 48
5. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa 48
6. Lộ trình đăng ký giao dich, niêm yết trên thị trường chứng khoán 49

VI. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÁC THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA.....50
1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa.....50
2. Doanh nghiệp cổ phần hóa.....51
3. Tổ chức tư vấn bán đấu giá.....51

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 127/2014/TT- BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 21/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tái cơ cấu Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam giai đoạn 2012-2015;
- Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước;
- Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/6/2014 của Thủ tường Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước.
- Quyết định số 719/QĐ-ĐS ngày 29/6/2011 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam về việc chuyển Công ty Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang thành công ty TNHH một thành viên;
- Công văn số 1976/TTg-ĐMDN ngày 06/10/2014 của Thủ tướng Chính Phủ về việc điều chỉnh Đề án tái cơ cấu Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam;
- Công văn số 2369/TTg-ĐMDN ngày 27/11/2014 của Thủ tướng Chính Phủ về việc sắp xếp các doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam;
- Công văn số 10293/VPCP-ĐMDN ngày 23/12/2014 của Văn phòng Chính phủ về việc cổ phần hóa các doanh nghiệp thành viên thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam;
- Quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt danh sách doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa;
- Quyết định số 100/QĐ-BGTVT ngày 09/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận

tải về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang;

- Quyết định số 11/QĐ-ĐS ngày 30/01/2015 của Trưởng ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang về việc thành lập Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang;
- Quyết định 2340/QĐ-BGTVT ngày 30/6/2015 của Bộ Giao thông vận tải về phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH Một Thành viên Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang;
- Quyết định số 3909/QĐ-GTVT ngày 30/10/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu Đường sắt Bắc Giang thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam thành công ty cổ phần.

CÁC KHÁI NIỆM

- BCTC: Báo cáo tài chính
- CBCNV: Cán bộ công nhân viên
- CPH: Cổ phần hóa
- DNNN: Doanh nghiệp Nhà nước
- ĐSQG: Đường sắt Quốc gia
- GTVT: Giao thông Vận tải
- HĐTV: Hội đồng thành viên
- KHCN: Khoa học công nghệ
- QCVN: Quy chuẩn Việt Nam
- QTQP: Quy trình quy phạm
- MTV: Một thành viên
- SCTX: Sửa chữa thường xuyên
- SXKD: Sản xuất kinh doanh
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- TNHH: Trách nhiệm hữu hạn
- TTTH: Thông tin tín hiệu

I. GIỚI THIỆU THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin cơ bản về doanh nghiệp cổ phần hóa

Tên tiếng Việt	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành viên Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang
Tên gọi tắt	Công ty Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang
Tên giao dịch quốc tế	Bac Giang Railway Signalling and Telecommunication One Member Limited Company.
Địa chỉ	Ngõ 6A, Đường Nguyễn Khắc Nhu, Phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại	0240.3854406
Fax	0240.3527022
Giấy CNĐKKD	Số 2400152755 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 07/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 26/9/2012
Vốn điều lệ đăng ký	6.962.579.179 đồng (*Bằng chữ: Sáu tỷ chín trăm sáu mươi hai triệu năm trăm bảy mượi chín nghìn một trăm bảy mươi chín đồng*)

2. Quá trình hình thành và phát triển

Quá trình phát triển của Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang gắn liền với sự thay đổi và phát triển của hệ thông tin tín hiệu đường sắt trong ngành Đường sắt Việt Nam. Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, Công ty là một đơn vị thuộc Ty Thông tin tín hiệu đường sắt thuộc Tổng cục Đường sắt Việt Nam.

- Năm 1979, Ty thông tin tín hiệu đường sắt chia tách thành 03 Đoạn thông tin tín hiệu đường sắt: Hà Nội, Đà Nẵng, Sài Gòn. Công ty là một đơn vị của Đoạn Thông tin tín hiệu Hà Nội.
- Năm 1982, Đoạn thông tin tín hiệu Hà Lạng được thành lập theo Quyết định số 1260- ĐS/TC ngày 06/12/1982 của Tổng cục Đường sắt (trên cơ sở tách Đoạn thông tin tín hiệu Đường sắt Hà Nội thành 03 Đoạn thông tin tín hiệu)
- Năm 1984, Đoạn thông tin tín hiệu Hà Lạng được đổi tên là Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Đường sắt số 1 theo Quyết định số 838- ĐS/TC ngày 01/12/1983 của Tổng cục Đường sắt.
- Năm 1998, Xí nghiệp thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang được thành lập là doanh nghiệp hoạt động công ích (trên cơ sở chuyển đổi đơn vị sự nghiệp kinh tế) theo quyết định số 883/1998/QĐ/TCCB-LĐ ngày 17/04/1998 của Bộ Giao thông vận tải.
- Năm 2003, Doanh nghiệp được đổi tên là Công ty Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang theo Quyết định số 734/2003/QĐ-GTVT ngày 20/03/2003.

- Năm 2010, Doanh nghiệp được chuyển đổi thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang theo Quyết định số 719/QĐ-ĐS ngày 29/06/2010 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và hoạt động theo mô hình này cho đến nay.

Quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang gắn liền và kế thừa sự phát triển của hệ thống tin tín hiệu đường sắt trong ngành Đường sắt Việt Nam. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã góp phần quan trọng vào sự nghiệp đổi mới và phát triển của ngành Đường sắt.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2400152755 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 07 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 26 tháng 09 năm 2012, ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang bao gồm:

a) Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt Quốc gia về thông tin, tín hiệu, viễn thông, điện và điều khiển (gọi chung là kết cấu hạ tầng thông tin tín hiệu đường sắt);

b) Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt;

c) Tư vấn lập dự án đầu tư, thẩm định báo cáo đầu tư, khảo sát thiết kế, thẩm định giá, giám sát các công trình chuyên ngành thông tin, tín hiệu, điều khiển, điện;

d) Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình về: giao thông đường sắt, đường bộ, dân dụng và công nghiệp; hệ thống cung cấp điện, tiếp đất chống sét, đường dây và trạm biến áp, công trình điện hạ thế, điện chiếu sáng; công trình thông tin, viễn thông, tín hiệu giao thông, điều khiển tự động, tin học;

đ) Đầu tư, xây dựng và tổ chức kinh doanh, cung cấp dịch vụ cơ sở hạ tầng mạng viễn thông; các dịch vụ viễn thông công ích và công cộng, dịch vụ công nghệ thông tin, tín hiệu và truyền thông;

e) Chế tạo, sửa chữa thiết bị phụ tùng, sản xuất, xuất nhập khẩu, buôn bán vật tư, thiết bị, phụ kiện và kết cấu thép chuyên ngành thông tin, tín hiệu, điện, viễn thông, tin học, tín hiệu giao thông;

g) Tổ chức thí nghiệm vật liệu xây dựng, công trình giao thông và chuyên ngành viễn thông, tín hiệu, điều khiển và điện;

h) Đầu tư, kinh doanh bất động sản; tổ chức bán đấu giá tài sản;

i) Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, du lịch;

k) Hợp tác liên doanh, liên kết với các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để thực hiện mục đích kinh doanh, tìm kiếm lợi nhuận;

l) Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp quy định của pháp luật và được Chủ sở hữu cho phép.

4. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt Quốc gia về thông tin, tín hiệu, điện, viễn thông và điều khiển;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình về: giao thông đường sắt, đường bộ dân dụng và công nghiệp; Hệ thống cung cấp điện, tiếp đất chống sét, đường dây và trạm biến áp, công trình điện hạ thế, điện chiếu sáng, công trình thông tin, viễn thông, tín hiệu giao thông, điều khiển tự động học, tin học,…;
- Đầu tư, xây dựng và tổ chức kinh doanh, cung cấp dịch vụ cơ sở hạ tầng mạng viễn thông; các dịch vụ viễn thông công ích và công cộng; dịch vụ công nghệ thông tin tín hiệu và truyền thông.

5. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty TNHH Một Thành Viên Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang hiện nay như sau:

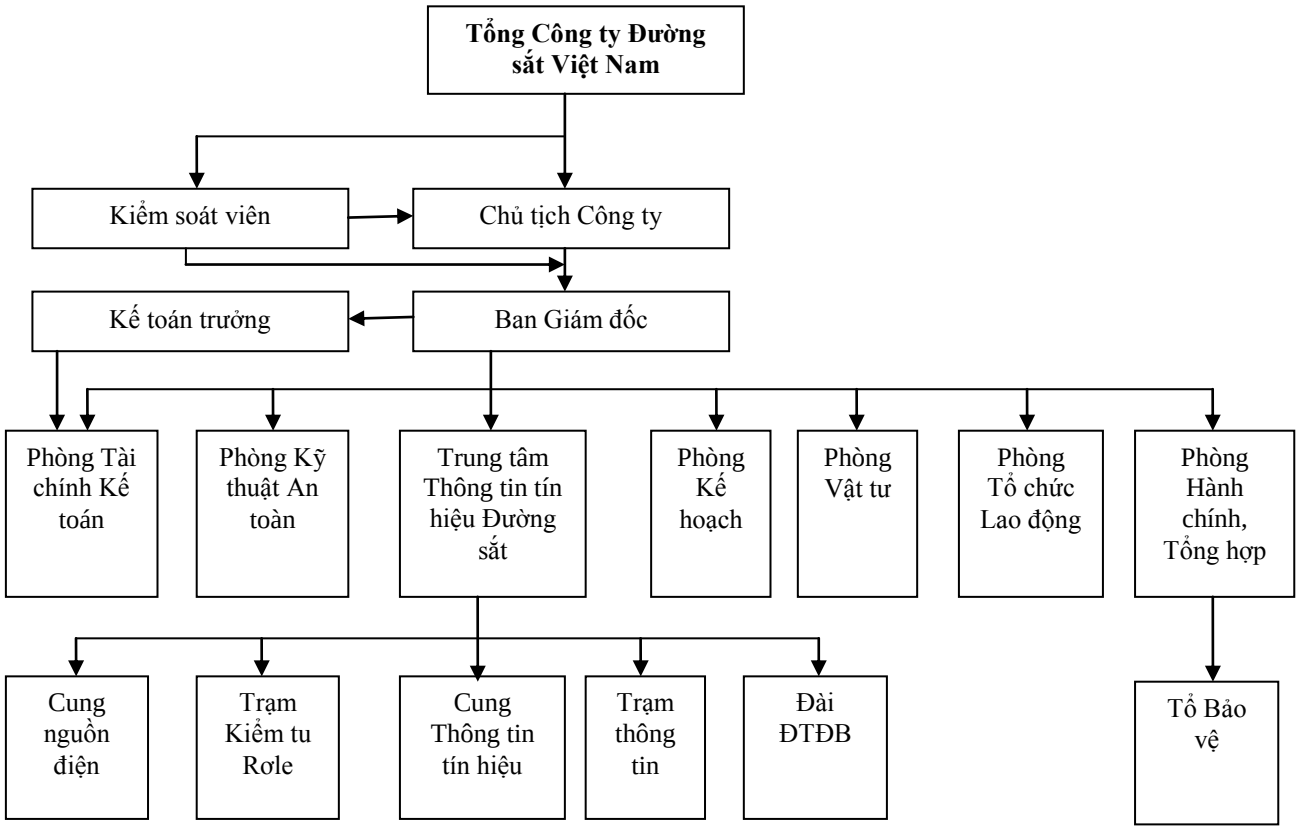

5.1. Chủ tịch Công ty

Chủ tịch Công ty nhân danh Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu Công ty, có quyền nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật doanh nghiệp mới và pháp luật có liên quan. Quyền, nghĩa vụ, nhiệm vụ

cụ thể và chế độ làm việc của Chủ tịch Công ty đối với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam được thực hiện theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật có liên quan.

5.2. Kiểm soát viên

Tổng công ty Đường sắt Việt Nam bổ nhiệm 01 kiểm soát viên chuyên trách với nhiệm kỳ không quá 03 năm. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

5.3. Giám đốc

Chủ tịch Công ty trình Tổng công ty Đường sắt Việt Nam bổ nhiệm Giám đốc với nhiệm kỳ không quá 05 năm để điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty. Giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch Công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

5.4. Các phòng ban chức năng:

5.4.1. Phòng Tài chính kế toán:

- Quản trị tài chính doanh nghiệp đảm bảo sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn lưu động, tài sản cố định, dòng tiền và các nguồn vốn khác, đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh và thực hiện các mục tiêu phát triển của Công ty;
- Tham mưu cho Chủ tịch, Giám đốc Công ty về nghiệp vụ kế toán, hạch toán, thuế theo quy định của pháp luật, của chủ sở hữu và quy chế tài chính của công ty về hoạt động tài chính- kế toán, nghiệp vụ kế toán và giám sát chế độ sử dụng vốn, quỹ, tài sản trong Công ty, phân tích và xây dựng kế hoạch giá thành của Công ty.

5.4.2. Phòng Kỹ thuật an toàn (KTAT):

- Tham mưu công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng ĐSQG tuân thủ các QCVN, TCVN, QTQP và quy trình, quy tắc quản lý bảo trì, vận hành khai thác hệ thống thiết bị thông tin tín hiệu điện (T^3HĐ);
- Xây dựng và mục tiêu chất lượng hàng năm và tổ chức thực hiện với các biện pháp, giải pháp nâng cao không ngừng chất lượng quản lý, bảo trì thiết bị T^3HĐ và an toàn giao thông;
- Tiếp nhận, cập nhật và ứng dụng chuyển giao công nghệ, xây dựng các chính sách thúc đẩy, phát triển ứng dụng KHCN và sáng kiến cải tiến hợp lý hóa sản xuất, kế hoạch đào tạo nâng cao nghiệp vụ và phổ biến kỹ thuật công nghệ;
- Phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương trong công tác đảm bảo an toàn giao thông và hành lang an toàn giao thông đường sắt, ứng phó sự cố thiên tai và cứu nạn giao thông đường sắt.

5.4.3. Phòng Kế hoạch:

- Trực tiếp quản lý, chỉ đạo điều hành, tổ chức các hoạt động sản xuất, kinh doanh trong toàn Công ty. Xây dựng kế hoạch tác nghiệp, tổ chức chỉ đạo thực hiện kế hoạch tác nghiệp sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty;

- Chủ trì, phối hợp với các phòng nghiệp vụ lập phương án giá sản phẩm công ích, kế hoạch quản lý, bảo trì hoặc điều chỉnh kế hoạch hàng năm nguồn sự nghiệp kinh tế,
- Xây dựng kế hoạch sản xuất hàng năm trình chủ sở hữu phê duyệt, làm cơ sở tổ chức giao và thực hiện;
- Lập, giao kế hoạch sản phẩm công ích (SPCI) hàng năm (phân khai cho từng quý) cho các đơn vị trực thuộc và tham mưu quyết toán;
- Tham mưu, quản lý các đầu tên hợp đồng các công trình, dự án ngoài công ích;

5.4.4. Phòng Vật tư:

- Tham mưu và thực hiện mua sắm, trang cấp vật tư, thiết bị trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật, quy chế của Công ty.

5.4.5. Phòng Tổ chức lao động:

- Tổ chức – cán bộ, lao động – tiến lương, quản trị và đào tạo phát triển nguồn nhân lực, bảo vệ chính trị nội bộ.
- Tham mưu xây dựng Nội quy lao động, hệ thống quy chế, quy định nội bộ phục vụ quản lý, điều hành công ty.
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn vệ sinh lao động và chăm sóc sức khỏe, vệ sinh môi trường.
- Bảo vệ trật tự trị an, dân quân tự vệ, quân sự địa phương, quốc phòng toàn dân, phòng chống cháy nổ, giảm nhẹ thiên tai.

5.4.6. Phòng Hành chính, tổng hợp:

- Hành chính, lễ tân và quản trị văn phòng; thi đua – khen thưởng- kỷ luật, phổ biến tuyên truyền pháp luật.
- Công tác đời sống, nhà ăn ca, quản lý khai thác phương tiện vận tải.
- Quản lý nhà ở - đất của Công ty.

5.4.7. Các Cung, Đài, Trạm:

- Trực tiếp, quản lý, bảo trì hệ thống thiết bị thông tin tín hiệu điện đường sắt trên địa bàn quản lý do công ty giao, đảm bảo chất lượng, độ ổn định cao phục vụ chạy tàu;
- Đảm bảo an toàn giao thông, an toàn công trình và hành lang an toàn giao thông đường sắt, ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn; Công tác phòng chống cháy nổ, dân quân tự vệ, an toàn vệ sinh lao động trên địa bàn.
- Trực tiếp quản lý các công trình kiến trúc, lực lượng lao động, thường xuyên, kiểm tra đôn đốc, giáo dục cán bộ công nhân viên thuộc đơn vị quản lý thực hiện tốt nội quy lao động, quy trình, quy phạm kỹ thuật an toàn trong sản xuất.

6. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

Tổng số lao động có tên trong danh sách người lao động thường xuyên của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (30/6/2015) là **235** người.

Sau cổ phần hóa, số lao động được chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần là **207** người (gián tiếp: 27 người, trực tiếp: 180 người).

Bảng 1: Danh sách lao động của Công ty sau cổ phần hóa

TT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
I	**Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa**	**235**	
1	Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động	4	
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	231	
	a) Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	223	
	b) Làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	8	
	c) Làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng	0	
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của công ty		
II	**Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa**	**28**	
1	Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành	0	
2	Số lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động	0	
	a) Hết hạn hợp đồng lao động	0	
	b) Tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động	0	
	c) Chấm dứt hợp đồng lao động với lý do khác theo quy định của pháp luật	0	
3	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	28	
	a) Số lao động dôi dư thực hiện theo Nghị định số 63/2015/NĐ-CP	28	
	b) Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm	0	
III	**Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần**	**207**	
1	Số lao động mà hợp đồng lao động còn thời hạn	8	
2	Số lao động nghỉ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội	3	
	a) Ốm đau	0	
	b) Thai sản	3	
	c) Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	0	
3	Số lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động	0	
	a) Nghĩa vụ quân sự	0	
	b) Nghĩa vụ công dân khác	0	
	c) Bị tạm giam, tạm giữ	0	
	d) Do hai bên thỏa thuận (không quá 03 tháng)	0	

Bảng 2. Phương án sắp xếp lao động sau cổ phần hóa được phê duyệt

TT	Bộ phận	Số người		Tổng cộng
		Chuyên trách	Không ch/trách (kiêm nhiệm)	

I	**Bộ phận quản lý**			
1	Hội đồng quản trị	1	2	3
2	Ban kiểm soát	1	2	3
3	Giám đốc	1		1
4	Phó Giám đốc	2		2
5	Kế toán trưởng	1		1
II	**Bộ phận tham mưu, giúp việc**			
1	Phòng Kế hoạch kinh doanh	4		4
2	Phòng Kỹ thuật an toàn	9		9
3	Phòng Tổ chức – Hành chính	5		5
4	Phòng Tài chính Kế toán	3		3
III	**Gián tiếp Chi nhánh**	**0**		**0**
	Cộng (Quản lý + Gián tiếp)	27		27
	Lao động trực tiếp	180		180
	Tổng cộng	**207**		**207**

7. Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa

Theo Quyết định số 2340/QĐ-BGTVT Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và giá trị phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp của Công ty TNHH Một Thành viên Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang và Hồ sơ tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty tại thời điểm 31/12/2014, giá trị của Công ty được xác định như sau

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa: **17.469.261.268** đồng (*Bằng chữ: Mười bảy tỷ, bốn trăm sáu mươi chín triệu, hai trăm sáu mươi mốt ngàn, hai trăm sáu mươi tám đồng*).
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là: **5.290.080.000** đồng (*Bằng chữ: Năm tỷ, hai trăm chín mươi triệu, không trăm, tám mươi ngàn đồng chẵn*).

Bảng 3: Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Số liệu Sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4) = (3) - (2)*
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	**15.974.994.436**	**17.469.261.268**	**1.494.266.832**
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	**2.339.104.584**	**3.152.253.179**	**813.148.595**
1. Tài sản cố định	2.201.898.821	2.967.740.635	765.841.814
a. TSCĐ hữu hình	*2.201.898.821*	*2.967.740.635*	*765.841.814*
b. TSCĐ vô hình	-	-	-
6. Chi phí trả trước dài hạn	137.205.763	184.512.544	47.306.781

Chỉ tiêu	Số liệu Sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	**13.635.889.852**	**13.635.889.857**	**5**
1. Tiền và các khoản tương đương tiền:	4.777.222.666	4.777.222.671	5
+ Tiền mặt tồn quỹ	*191.921.995*	*191.922.000*	*5*
+ Tiền gửi ngân hàng	*4.585.300.671*	*4.585.300.671*	-
+ Các khoản tương đương tiền	-	-	-
3. Các khoản phải thu	7.106.763.070	7.106.763.070	-
4. Vật tư hàng hoá tồn kho	1.706.405.116	1.706.405.116	-
5. TSLĐ khác	45.499.000	45.499.000	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	**681.118.232**	**681.118.232**
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B. Tài sản không cần dùng	-	-	-
C. Tài sản hình thành từ nguồn kinh phí	**11.742.869.243**	**11.742.869.243**	-
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	11.742.869.243	11.742.869.243	-
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	-	-	-
D. Tài sản chờ chờ bàn giao	**3.166.766.011**	**3.166.766.011**	-
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	3.166.766.011	3.166.766.011	-
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	-	-	-
E. Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D+E)	**30.884.629.690**	**32.378.896.522**	**1.494.266.832**
Trong đó: **TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP** (Mục A)	**15.974.994.436**	**17.469.261.268**	**1.494.266.832**
E1. Nợ thực tế phải trả	**11.744.926.454**	**12.179.181.268**	**434.254.814**
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A - (E1+E2)]	**4.230.067.982**	**5.290.080.000**	**1.060.012.018**

Một số vấn đề cần lưu ý:

- Tại thời điểm phát hành biên bản xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang chưa nhận được văn bản trả lời của UBND các tỉnh, thành phố có liên quan về phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa. Doanh nghiệp tiếp tục làm việc với các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại điểm 9.2, điều 18, mục II, chương II, Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính.Tuy nhiên, toàn bộ đất của Công ty TNHH Một thành viên Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang là đất thuê trả tiền hàng năm và đất giao sử dụng miễn tiền thuê đất, do vậy không ảnh hưởng tới giá trị

doanh nghiệp khi cổ phần hóa.

- Đối với tài sản được loại trừ ra khỏi giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa, Công ty TNHH Một thành viên Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang có trách nhiệm xử lý theo quy định tại điểm 1, điều 9, mục II, chương II, Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính.
- Đối với số dư bằng tiền của quỹ khen thưởng, phúc lợi được chia cho người lao động đang làm việc tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định tại điểm 7, Điều 9, Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính.

8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

8.1. Tình hình đất đai

Đến thời điểm hiện tại, tình hình sử dụng đất của Công ty TNHH Một thành viên Thông tin tín hiệu Đường sắt Bắc Giang như sau:

Bảng 4: Tình hình sử dụng đất đai trước khi cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang

STT	Tên và địa chỉ khu đất	Diện tích đất(m^2)			Hình thức giao đất	Chức năng sử dụng đất theo QĐ giao đất, HĐ thuê đất	Hiện trạng sử dụng đất hiện nay	Ghi chú
		Diện tích (m^2)	Diện tích chung trong ga (m^2)	Diện tích ngoài ga (m^2)				
I	**Tỉnh Thái Nguyên**	**1.705,49**	**36,63**	**1.668,86**				
1	Cơ quan Trung tâm Thái Nguyên	816,03		816,03	Quản lý theo hiện trạng		Trụ sở làm việc	Đơn vị tự đo đạc
2	Điểm trực Phổ Yên	477,92		477,92	Quản lý theo hiện trạng		Trực TTTH	Đơn vị tự đo đạc
3	Điểm trực Lương Sơn	146,91		146,91	Quản lý theo hiện trạng		Trực TTTH	Đơn vị tự đo đạc
4	Điểm trực Quán Triều	52,00		52,00	Quản lý theo hiện trạng		Trực TTTH	Đơn vị tự đo đạc
5	Điểm trực Hợp Tiến	176,00		176,00	Quản lý theo hiện trạng		Trực TTTH	Đơn vị tự đo đạc
6	Điểm trực TT Khúc Rồng	36,63	36,63		Quản lý theo hiện trạng		Trực TTTH	Trong ga Khúc Rồng
II	**Hà Nội**	**673,70**	**0,00**	**673,70**				
1	Điểm trực Đa Phúc	372,70		372,70	Quản lý theo hiện trạng		Trực TTTH	Đơn vị tự đo đạc
2	Điểm trực Trung Giã	301,00		301,00	Quản lý theo hiện trạng		Trực TTTH	Đơn vị tự đo đạc
III	**Bắc Giang**	**3.824,74**	**348,46**	**3.476,28**				
1	Cơ quan Công ty	2.041,9		2.041,9	Thuê đất của Nhà nước	Đất cơ sở SX	Trụ sở Công ty, SX	Quyết định thuê đất số 488/QĐ-UBND ngày 29/ 3/2010 của UBND tỉnh Bắc Giang
2	Điểm trực Sen Hồ	52,14	52,14		Quản lý theo hiện trạng		Trực TTTH	Đơn vị tự đo đạc
3	Điểm trực Bắc Giang	216,28	216,28		Quản lý theo hiện trạng		Trực TTTH	Đơn vị tự đo đạc
4	Điểm trực Phố Tráng	80,04	80,04				Trực TTTH	Trong ga Phố Tráng
5	Cơ quan TT Bắc Giang	645,7		645,7	Quản lý theo hiện trạng		Trụ sở làm việc	Đơn vị tự đo đạc
6	Điểm trực Viba Kép	228,81		228,81	Quản lý theo hiện trạng		Trực TTTH	Đơn vị tự đo đạc
7	Điểm trực Mỏ Trạng	40,92		40,92	Quản lý theo hiện trạng		Trực TTTH	Đơn vị tự đo đạc

8	Điểm trực Bảo Sơn	70,2		70,2	Quản lý theo hiện trạng		Trực TTTH	Đơn vị tự đo đạc
9	Điểm trực Lan Mẫu	331,5		331,5	Quản lý theo hiện trạng		Trực TTTH	Đơn vị tự đo đạc
10	Điểm trực Cẩm Lý	117,25		117,25	Quản lý theo hiện trạng		Trực TTTH	Đơn vị tự đo đạc
IV	**Lạng Sơn**	**5.282,00**	**525,40**	**4.756,60**				
1	Cơ quan trung tâm Lạng Sơn	1768,16		1768,16	Thuê đất + QL theo hiện trạng		Trụ sở làm việc	QĐ thuê đất 63m2.Diện tích còn lại đơn vị tự đo đạc
2	Điểm trực Voi xô	61,41		61,41	Quản lý theo hiện trạng		Trực TTTH	Đơn vị tự đo đạc
3	Trạm vi ba điểm 180	482,43		482,43	Quản lý theo hiện trạng		Trực TTTH	Đơn vị tự đo đạc
4	Điểm trực Phố Vị	76,8	76,8		Quản lý theo hiện trạng		Trực TTTH	Đơn vị tự đo đạc
5	Điểm trực Bắc Lệ	429,81		429,81	Quản lý theo hiện trạng		Trực TTTH	Đơn vị tự đo đạc
6	Điểm trực Sông Hóa	405,6	405,6				Trực TTTH	Trong ga Sông Hóa
7	Đ.trực Chi Lăng	79		79	Quản lý theo hiện trạng		Trực TTTH	Đơn vị tự đo đạc
8	Khu vực lầu thông tin ga Đồng Mỏ	827,58		827,58	Quản lý theo hiện trạng		Trực TTTH	Đơn vị tự đo đạc
9	Điểm trực Bắc Thủy	366,75		366,75	Quản lý theo hiện trạng		Trực TTTH	Đơn vị tự đo đạc
10	Điểm trực Bản Thí	400		400	Quản lý theo hiện trạng		Trực TTTH	Đơn vị tự đo đạc
11	Điểm trực Yên Trạch	279,18		279,18	Quản lý theo hiện trạng		Trực TTTH	Đơn vị tự đo đạc
12	Điểm trực Lạng Sơn	24		24	Quản lý theo hiện trạng		Trực TTTH	Đơn vị tự đo đạc
13	Điểm trực Tân Liên	43	43				Trực TTTH	Trong ga Tân Niên
14	Điểm trực Na Dương	38,28		38,28	Quản lý theo hiện trạng		Trực TTTH	Đơn vị tự đo đạc
V	**Bắc Ninh**	**263,44**	**171,19**	**92,25**				
	Điểm trực Từ sơn	79,85	79,85		Quản lý theo hiện trạng		Trực TTTH	Đơn vị tự đo đạc
	Điểm trực Lim	91,34	91,34		Quản lý theo hiện trạng		Trực TTTH	Đơn vị tự đo đạc
	Điểm trực Thị Cầu	92,25		92,25	Quản lý theo hiện trạng		Trực TTTH	Đơn vị tự đo đạc
VI	Tỉnh Hải Dương	**372,66**	**0**	**372,66**				
	Điểm trực Chí Linh	296,94		296,94	Quản lý theo hiện trạng		Trực TTTH	Đơn vị tự đo đạc
	Điểm trực Cổ Thành	75,72		75,72	Quản lý theo hiện trạng		Trực TTTH	Đơn vị tự đo đạc
VII	**Tỉnh Quảng Ninh**	**2.884,13**	**329,8**	**2.554,33**				
1	Lầu thông tin Mạo Khê	48,48	48,48				Phòng đặt máy móc, thiết bị	Trong ga Mạo Khê
2	Điểm trực Mạo Khê	182,75	182,75		Quản lý theo hiện trạng			
3	Điểm trực Đông Triều	828,3		828,3	Quản lý theo hiện trạng		Trực TTTH	Đơn vị tự đo đạc

4	Điểm trực Yên Dưỡng	75,95		75,95	Quản lý theo hiện trạng		Trực TTTH	Đơn vị tự đo đạc
5	Điểm trực Uông Bí C	1.487,52		1.487,52	Quản lý theo hiện trạng		Trực TTTH	Đơn vị tự đo đạc
6	Điểm trực Bàn Cờ	56	56				Trực TTTH	Trong ga Bàn Cờ
7	Điểm trực Yên Cư	162,56		162,56	Quản lý theo hiện trạng		Trực TTTH	Đơn vị tự đo đạc
8	Điểm trực Hạ Long	42,57	42,57				Trực TTTH	Trong ga Hạ Long
	Tổng cộng	**15.006,16**	**1411,48**	**13.594,68**			Trực TTTH	Đơn vị tự đo đạc

Nguồn: Công ty TNHH Một Thành viên Thông tin tín hiệu Đường sắt Bắc Giang, 2015

Chi tiết phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Công ty Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang như sau:

Bảng 5: Phương án sử dụng đất đai sau khi cổ phần hóa

STT	Tên và địa chỉ khu đất	Diện tích (m^2)	Hiện trạng sử dụng	Hình thức sử dụng	Hồ sơ pháp lý	Phương án sử dụng đất
I	**Tỉnh Bắc Giang: Thửa số 1** Địa chỉ:Ngõ 6A, đường Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	2.042	Khu làm việc của văn phòng công ty, các phòng lắp đặt thiết bị TTTH-điện, lầu thông tin tín hiệu, nhà xưởng, nhà kho; nhà để xe; nhà lưu trú và các công trình TDTT phục vụ CBCNV. Diện tích mặt bằng xây dựng: 1.693,67m^2 - Trong đó: + Lầu thông tin Bắc Giang: 375,44m^2 + Phòng làm việc: 639m^2 + Hội trường: 288m^2 + Nhà xưởng, kho và các công trình phụ trợ khác: 391.23m^2	Thuê 49 năm, phương thức thanh toán trả tiền hàng năm	Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 29/3/2010 của UBND tỉnh Bắc Giang cho công ty TTTH Đường sắt Bắc Giang thuê đất.	Sau khi chuyển đổi sang Công ty cổ phần, Công ty tiếp tục sử dụng 1.158m^2 để làm phòng làm việc, Hội trường, nhà xưởng và các công trình phụ trợ khác để phục vụ sản xuất kinh doanh.

STT	Tên và địa chỉ khu đất	Diện tích (m^2)	Hiện trạng sử dụng	Hình thức sử dụng	Hồ sơ pháp lý	Phương án sử dụng đất
II	**Tỉnh Bắc Ninh: thửa số 2** Địa chỉ: phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	92	Khu làm việc của công nhân TTTH Thị Cầu, nhà kho; nhà lưu trú cho CBCNV, công trình phụ. Diện tích mặt bằng xây dựng: $66m^2$	Không phải trả tiền	Được địa phương xác nhận biên bản kê khai của đơn vị theo NĐ 09, Công ty dang làm thủ tục với địa phương thuê đất thời hạn 50 năm.	Sau khi chuyển sang công ty cổ phần, Công ty tiếp tục làm thủ tục với địa phương thuê đất trả tiền hàng năm theo qui định của pháp luật để mở rộng sản xuất phục vụ cho công tác quản lý, bảo trì đường sắt Quốc gia và sản xuất kinh doanh của Công ty
III	**Tỉnh Thái Nguyên: Thửa số 3** Địa chỉ: phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.	246	Khu nhà lưu trú của CBCNV cung TTTH Lưu Xá, công trình phụ Diện tích mặt bằng xây dựng: $167,44m^2$	Không phải trả tiền	Được địa phương xác nhận biên bản kê khai của đơn vị theo NĐ 09, công ty đang làm thủ tục với địa phương xin thuê đất thời hạn 50 năm.	Sau khi chuyển sang công ty cổ phần, Công ty tiếp tục làm thủ tục với địa phương thuê đất theo qui định của pháp luật. Hình thức thuê đất trả tiền hàng năm, để tiếp tục phục vụ đời sống cho công nhân viên và mở rộng sản xuất phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty

Nguồn: Công ty TNHH Một Thành viên Thông tin tín hiệu Đường sắt Bắc Giang, 2015

8.2. Thực trạng tài sản

Tình hình tài sản cố định của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (ngày 31/12/2014) thể hiện tóm tắt ở bảng sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Loại tài sản	Giá trị sổ sách		Giá trị đánh giá lại		Chênh lệch	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	**TSCĐ đang cần dùng**	**4.135.962.563**	**2.201.898.821**	**5.500.571.355**	**2.967.740.635**	**1.364.608.792**	**765.841.814**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	2.107.109.967	1.539.269.000	3.049.084.082	1.958.479.455	941.974.115	419.210.455
2	Máy móc, thiết bị	-	-	-	-	-	-
3	Phương tiện vận tải	1.559.764.237	336.521.076	1.852.950.000	538.333.125	293.185.763	201.812.049
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	469.088.359	326.108.745	598.537.273	470.928.055	129.448.914	144.819.310
B	**TSCĐ chờ thanh lý**	-	-	-	-	-	-
C	**TSCĐ chờ bàn giao**	**7.538.071.711**	**3.166.766.011**	**7.538.071.711**	**3.166.766.011**	-	-
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	7.538.071.711	3.166.766.011	7.538.071.711	3.166.766.011	-	-
2	Máy móc, thiết bị	-	-	-	-	-	-
3	Phương tiện vận tải	-	-	-	-	-	-
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	-	-	-	-	-	-
D	**TSCĐ không cần dùng**	-	-	-	-	-	-
E	**TSCĐ hình thành từ Quỹ Khen thưởng, phúc lợi**	-	-	-	-	-	-
F	**TSCĐ hình thành từ nguồn kinh phí**	**26.357.124.829**	**11.742.869.243**	**26.357.124.829**	**11.742.869.243**	-	-
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	-	-	-	-	-	-
2	Máy móc, thiết bị	17.961.657.238	6.540.726.426	17.961.657.238	6.540.726.426	-	-
3	Phương tiện vận tải	8.395.467.591	5.202.142.817	8.395.467.591	5.202.142.817	-	-
4	Thiết bị quản lý	-	-	-	-	-	-
	Tổng cộng	**38.031.159.103**	**17.111.534.075**	**39.395.767.895**	**17.877.375.889**	**1.364.608.792**	**765.841.814**

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31/12/2014

9. Danh sách công ty mẹ và công ty con

Công ty TNHH Một Thành viên Thông tin tín hiệu Đường sắt Bắc Giang trực thuộc Công ty mẹ là Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Hiện tại, Công ty không có công ty con nào.

10. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa Công ty TNHH Một Thành viên Thông tin tín hiệu Đường sắt Bắc Giang

10.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang (tiền thân là Xí nghiệp Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang), là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích được thành lập theo Quyết định số 883/1998/QĐ – LĐ ngày 17/04/1998. Công ty được đổi tên thành Công ty Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang theo Quyết định số 734/2003/QĐ-GTVT ngày 20/3/2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải và được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang theo Quyết định số 719/QĐ-ĐS của Hội đồng quản trị Tổng công ty đường sắt Việt Nam ngày 29/6/2010.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận kinh doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 2400152755 ngày 07/12/2010. Trong quá trình hoạt động thay đổi về chức danh người đại diện theo pháp luật của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang chuẩn y tại đăng ký thay đổi lần 1 ngày 26/9/2012.

Trong những năm qua, Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang luôn kế thừa và phát huy những hoạt động kinh doanh truyền thống. Hiện nay, Công ty hoạt động trên một số lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt Quốc gia về thông tin, tín hiệu, điện, viễn thông và điều khiển;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình về: giao thông đường sắt, đường bộ dân dụng và công nghiệp; Hệ thống cung cấp điện, tiếp đất chống sét, đường dây và trạm biến áp, công trình điện hạ thế, điện chiếu sáng, công trình thông tin, viễn thông, tín hiệu giao thông, điều khiển tự động học, tin học,…;
- Đầu tư, xây dựng và tổ chức kinh doanh, cung cấp dịch vụ cơ sở hạ tầng mạng viễn thông; các dịch vụ viễn thông công ích và công cộng; dịch vụ công nghệ thông tin tín hiệu và truyền thông

10.1.1. Sản lượng sản phẩm/dịch vụ qua các năm

Doanh thu của Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang đến từ hai nhóm hoạt động chính gồm (i) Doanh thu hoạt động công ích: sửa chữa, duy tu, kết cấu hạ tầng đường sắt và (ii) Doanh thu hoạt động ngoài công ích.

Cơ cấu doanh thu của Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang trong từng lĩnh vực hoạt động qua các năm có sự dịch chuyển và biến động về tỷ trọng cụ thể:

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu theo lĩnh vực hoạt động của Công ty

Đơn vị: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		6 tháng 2015	
	Doanh thu thuần	Tỷ trọng	Doanh thu thuần	Tỷ trọng	Doanh thu thuần	Tỷ trọng	Doanh thu thuần	Tỷ trọng
Doanh thu trong ngành	27.578.521	86,81%	29.770.595	80,94%	30.331.883	77,91%	14.364.250	77,6%
Doanh thu ngoài ngành	4.192.222	13,19%	7.010.737	19,06%	8.600.096	22,09%	4.146.850	22,4%
Tổng cộng	**31.770.743**	**100%**	**36.781.332**	**100%**	**38.931.979**	**100%**	**18.511.100**	**100%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 – Công ty TNHH Một Thành viên Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang

Bảng 7: Cơ cấu chi phí của Công ty năm 2012, năm 2013, năm 2014 và 6 tháng đầu năm 2015.

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Tỷ trọng	Năm 2013	Tỷ trọng	Năm 2014	Tỷ trọng	6 tháng 2015 (ước)	Tỷ trọng
Giá vốn hàng bán	26.469	87,03%	30.988	85,73%	32.917	86,48%	15.479	85,47%
Giá vốn hoạt động công ích	*22.570*	*74,21%*	*24.477*	*67,72%*	*24.907*	*65,44%*	*11.545*	*74,58%*
Giá vốn hoạt động ngoài công ích	*3.899*	*12,82%*	*6.511*	*18,01%*	*8.010*	*21,04%*	*3.934*	*10,89%*
Chi phí tài chính	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
Chi phí bán hàng	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.944	12,97%	5.159	14,27%	5.145	13,52%	2.632	14,53%
Tổng cộng	**30.413**	**100%**	**36.147**	**100%**	**38.062**	**100%**	**18.111**	**100%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 – Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang

Bảng 8: Cơ cấu lợi nhuận của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Tỷ trọng	Năm 2013	Tỷ trọng	Năm 2014	Tỷ trọng	6 tháng 2015	Tỷ trọng
Lợi nhuận gộp hoạt động công ích	5.008	94,47%	5.293	91,37%	5.425	90,19%	2.819	92,97%
Lợi nhuận gộp hoạt động ngoài công ích	293	5,53%	500	8,63%	590	9,81%	213	7,03%
Tổng cộng	**5.301**	**100%**	**5.793**	**100%**	**6.015**	**100%**	**3.032**	**100%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 – Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang

10.1.2. Trình độ công nghệ

a) Công nghệ quản lý:

- Quản lý duy tu bảo dưỡng hệ thống thông tin hữu tuyến: đường dây trần, cáp treo cáp chôn thông tin, hệ thống máy tải ba 3 đường, 12 đường của Trung Quốc, Hunggari; hệ thống thông tin âm tần điều độ, thông tin các ga bằng thiết bị của Trung Quốc;
- Hệ thống máy vô tuyến ICOM, máy FAX…;
- Hệ thống thông tin quang: cáp quang, SDH của Trung Quốc..;
- Hệ thống tín hiệu cơ khí, bán tự động: tín hiệu cánh, tín hiệu đèn màu;
- Hệ thống tín hiệu đường ngang cảnh báo tự động có báo tàu tới gần, tín hiệu đường ngang có gác có tín hiệu phòng vệ;
- Hệ thống điện chiếu sáng, sinh hoạt, thiết bị lạnh..

b) Công nghệ chế tạo, thi công lắp đặt:

- Thi công lắp đặt hệ thống thông tin, tín hiệu, điện, viễn thông & điều khiển;
- Sản xuất, gia công vật tư, phụ kiện chuyên ngành về thông tin tín hiệu- điện;
- Sản xuất bảng điện tử LED, hệ thống điều khiển.

c) Hệ thống quản lý chất lượng

Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang coi chất lượng và sự thỏa mãn của khách hàng là nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty. Bằng chất lượng sản phẩm dịch vụ, Công ty luôn khẳng định là một trong những đơn vị có uy tín trong nhiều năm qua.

Các biện pháp thực hiện chính sách chất lượng như sau:

- Xây dựng, thực hiện, duy trì và liên tục cải tiến hệ thống quản lý dựa trên nền tảng của tiêu chuẩn hiện hành;
- Không ngừng đào tạo, nâng cao năng lực về mọi mặt của đội ngũ cán bộ công nhân viên, đặc biệt chú trọng đến công tác phát triển đội ngũ chuyên gia giỏi, chuyên sâu về nghiệp vụ. Đây được coi là một trong những điều kiện then chốt để đảm bảo có được sản phẩm có chất lượng tốt;
- Không ngừng đầu tư trang thiết bị, cải tiến công nghệ sản xuất nhằm nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm;
- Thường xuyên cải tiến môi trường làm việc để mọi thành viên trong Công ty có thể phát huy hết tài năng và trí tuệ của mình vào mục tiêu phát triển bền vững của Công ty;
- Tuyên truyền về chính sách chất lượng để mọi thành viên trong Công ty thấu hiểu rằng sự chung tay của mỗi người sẽ góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu cho Công ty.

10.1.3. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu Đường sắt Bắc Giang chưa có nhãn hiệu thương mại được cơ quan chức năng chứng nhận, nhưng trong quá trình hoạt động SXKD Công ty đã được lãnh đạo, các ban, các đơn vị trong ngành đường sắt và các cơ quan ban ngành liên quan tại nhiều địa phương và khách hàng tín nhiệm cao.

Công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm được thực hiện đầy đủ, chặt chẽ.

10.1.4. Các hợp đồng lớn

Bảng 1: Danh mục các hợp đồng lớn đã và đang được thực hiện

a) Hợp đồng đang thực hiện

Stt	Tên hợp đồng	Tên chủ đầu tư	Giá trị hợp đồng (nghìn đồng)	Ngày hợp đồng có hiệu lực	Ngày kết thúc hợp đồng
1	Quản lý, Bảo dưỡng thường xuyên KCHT đường sắt năm 2015	Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	33.377.355	01/01/2015	31/12/2015
3	Di chuyển đường dây, cáp thông tin tín hiệu đường sắt từ cột 1273 đến 1278 tuyến đường sắt Hà Nội - Đồng Đăng để GPMB xây dựng cơ sở hạ tầng đấu giá quyền sử dụng đất năm 2014 xã Hương Sơn	Trung tâm phát triển quỹ đất và cụm công nghiệp Lạng Giang	359.561	02/4/2015	12/5/2015
2	Di chuyển hệ thống thông tin, tín hiệu đường sắt thuộc dự án: Nâng cấp đường Việt Bắc giai đoạn 1 (Thuộc giai đoạn 1 dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc – thành phố Thái Nguyên	Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố Thái Nguyên	3.520.285	21/3/2015	31/12/2015

b) Hợp đồng đã thực hiện

Stt	Tên và số hợp đồng	Tên chủ đầu tư	Giá trị hợp đồng (nghìn đồng)	Ngày ký HĐ	Ngày hoàn thành HĐ
1	Hợp đồng Sửa chữa thường xuyên kết cấu hạ tầng Đường sắt năm 2012. Số:50-12/HĐĐC-CSHT (Điều chỉnh lần 2)	Ban quản lý cơ sở hạ tầng đường sắt	30.336.373	12/12/2012	31/12/2012
1.1	Sửa chữa thường xuyên định kỳ		28.910.511		
1.2	Sửa chữa tín hiệu báo trước ga Voi Xô, tuyến Đường sắt Hà Nội – Đồng Đăng		499.960		
1.3	Sửa chữa hệ thống cáp đóng đường, điều độ chạy tàu và trung kế đường dài nhập trạm thông tin Đồng Đăng,		493.430		

	tuyến Đường sắt Hà Nội – Đồng Đăng				
1.4	Sửa chữa hệ thống cáp tín hiệu báo trước ga Lạng Sơn, tuyến Đường sắt Hà Nội – Đồng Đăng		432.472		
2	Hợp đồng Sửa chữa thường xuyên kết cấu hạ tầng Đường sắt năm 2013 Số:10-13/HĐ-CSHT	Ban quản lý cơ sở hạ tầng đường sắt	31.997.322	04/01/2013	31/12/2013
2.1	Sửa chữa thường xuyên định kỳ		30.753.764		
2.2	Sửa chữa tín hiệu đường ngang có người gácKm 60+900,Km 166+560 tuyến ĐS Hà Nội-Đồng Đăng		499.109		
2.3	Sửa chữa hệ thống cáp tín hiệu báo trước ga Chi Lăng, tuyến đường sắt Hà Nội – Đồng Đăng		466.091		
2.4	Sửa chữa hệ thống cáp tín hiệu báo trước ga Đồng Đăng, tuyến đường sắt Hà Nội – Đồng Đăng		278.358		
3	Phụ lục hợp đồng số:02-30-13/HĐ-CSHT Sửa chữa thường xuyên kết cấu hạ tầng Đường sắt năm 2013	Ban quản lý cơ sở hạ tầng đường sắt	32.747.654	13/12/2013	31/12/2013
3.1	Sửa chữa thường xuyên định kỳ		31.329.331		
3.2	Sửa chữa tín hiệu đường ngang có người gác Km 60+900, Km		499.720		
	166+560 tuyến đường sắt Hà Nội – Đồng Đăng				
3.3	Sửa chữa hệ thống cáp tín hiệu báo trước ga Chi Lăng, tuyến đường sắt Hà Nội – Đồng Đăng		494.878		
3.4	Sửa chữa hệ thống cáp tín hiệu báo trước ga Đồng Đăng, tuyến đường sắt Hà Nội – Đồng Đăng		423.725		
4	Hợp đồng số:10-14/HĐ-CSHT Sửa chữa thường xuyên kết cấu hạ tầng Đường sắt năm 2014	Ban quản lý cơ sở hạ tầng đường sắt	34.053.645	10/01/2014	31/12/2014
4.1	Quản lý, sửa chữa thường xuyên định kỳ		33.058.691		
4.2	Sửa chữa kéo dài cảm biến đường ngang cảnh báo tự động Km 16+116, Km 16+225; Km 25+900; Km 31+450 tuyến đường sắt Hà Nội –		499.720		

	Đồng Đăng				
4.3	Sửa chữa tín hiệu đường ngang có người gác Km 81+950; Đường ngang CBTĐ Km 43+600 tuyến đường sắt Hà Nội – Đồng Đăng		494.878		
5	Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 32/2013/HĐ-PTQĐ, Hạng mục: Di chuyển đường dây TTTH đường sắt tuyến đường sắt Kép – Hạ Long phục vụ giải phóng mặt bằng trạm thu phí thuộc dự án GPMB dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18 đoạn thành phố Uông Bí- thành phố Hạ Long theo hình thức BOT	Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Hạ Long	789.936	18/9/2013	
6	Hợp đồng số 1710/HĐKT công trình: Dịch chuyển tuyến cáp quang, TTTH đường sắt thuộc gói thầu số 14: Xây dựng nút giao đường sắt hà Thái và đường Quang Trung, thảm bê tông nhựa 5cm và rãnh dọc đoạn Km 75+300-Km 82+100 dự án: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 3, tuyến tránh Thành phố Thái Nguyên	Công ty CP Đầu tư xây dựng bảo Quân	1.531.747	17/10/2013	
7	Hợp đồng thi công xây dựng số 145/2014/HĐKT công trình: Dịch chuyển tuyến cáp quang, thông tin tín hiệu đường sắt đoạn nằm trong khu vực GPMB thực hiện dự án nút giao Yên Bình	Ban quản lý đầu tư xây dựng huyện Phổ Yên	884.666	14/3/2014	

Nguồn: Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang

10.2. Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu Đường sắt Bắc Giang

Bảng 3: Một số chỉ tiêu tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1.	Tổng giá trị tài sản	32.034.641	33.038.031	30.884.630
2.	Vốn Nhà nước theo sổ sách kế toán	7.127.051	7.396.833	7.396.833
3.	Nợ ngắn hạn	9.739.865	11.208.659	11.744.926
	Trong đó: + Vay và nợ ngắn hạn: + Nợ quá hạn:	 - -	 - -	 - -
4.	Nợ dài hạn	947.038	1.457.778	-
	Trong đó: + Vay và nợ dài hạn + Nợ quá hạn	 - -	 - -	 - -
5.	Nợ phải thu khó đòi	-	-	-
6.	Tổng số lao động	249	248	238
7.	Tổng quỹ lương	16.496.657	18.064.373	20.136.798
8.	Thu nhập bình quân 1 người/tháng	6.038.333	6.727.791	7.448.643
9.	Tổng doanh thu	32.136.010	37.474.043	39.052.051
10.	Tổng chi phí	30.428.632	36.541.734	38.363.311
11.	Lợi nhuận trước thuế	1.707.377	932.309	1.014.194
12.	Lợi nhuận sau thuế	1.264.341	695.798	773.285
13.	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn nhà nước	17,74%	9,4%	10,45%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012 2013, 2014 – Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang

10.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm

a. Thuận lợi

- Công ty có đội ngũ cán bộ kinh tế, kỹ thuật; công nhân lành nghề có nhiều kinh

nghiệm trong công tác sản xuất kinh doanh và quản lý kỹ thuật.

- Nội bộ đoàn kết, thống nhất; có mối quan hệ tốt với các đơn vị trong và ngoài ngành, với các Chủ đầu tư và khách hàng;
- Chất lượng duy tu sửa chữa thường xuyên (SCTX) kết cấu hạ tầng đường sắt Quốc gia về thông tin, tín hiệu, điện đảm bảo tốt, đặc biệt là các sản phẩm xây lắp do đơn vị vừa thi công xây dựng vừa chịu trách nhiệm quản lý duy tu bảo dưỡng.

b. Khó khăn

- Ngành nghề chính của Công ty là duy tu bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên đường truyền tải, thiết bị thông tin tín hiệu - điện phục vụ cho công tác điều hành sản xuất và chạy tàu của ngành; lực lượng lao động mỏng, phân tán nên chủ yếu thực hiện nhiệm vụ thường trực, kiểm tra, duy tu đảm bảo cho thiết bị hoạt động ổn định. Việc phát triển mở rộng ngành nghề kinh doanh ngoài sản xuất chính còn hạn chế, sản lượng thấp.
- Hầu hết các thiết bị công ty đang quản lý và đang sở hữu chưa hiện đại, thiếu đồng bộ;
- Vốn đầu tư phát triển của Công ty còn thấp so với yêu cầu;
- Chưa có đơn vị chuyên sản xuất các sản phẩm hỗ trợ như: Vật liệu, cột bê tông, kết cấu thép chuyên ngành thông tin tín hiệu.

11. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

11.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty Thông tin tín hiệu Đường sắt Bắc Giang là công ty trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; Công ty thực hiện nhiều công trình giao thông, xây lắp trọng điểm của Tổng công ty Đường sắt. Với bề dày kinh nghiệm hoạt động, Công ty có được sự tín nhiệm lớn từ khách hàng và đã thực hiện thi công hiều công trình của ngành, của các địa phương. Để đảm bảo chất lượng sản phẩm, đáp ứng được nhu cầu của thị trường, Công ty luôn đầu tư các loại máy móc, trang thiết bị công nghệ cao, áp dụng kịp thời tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất.

Đội ngũ cán bộ kỹ sư của Công ty đều có trình độ chuyên môn cao, đào tạo bài bản và được đào tạo vận hành máy móc hiện đại.

11.2. Triển vọng phát triển của ngành

Trong những năm qua, Chính phủ dành nhiều sự quan tâm cho phát triển cơ sở hạ tầng, do đó nguồn vốn đầu tư cho cơ sở hạ tầng dành cho ngành đường sắt ngày càng được chú trọng. Ngày 10/02/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 214/QĐ-TTg phê duyệt điều chỉnh chiến lược phát triển giao thông vận tải Đường sắt Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, trong thời gian tới, nhiều dự án lớn của đường sắt đang được triển khai như dự án hiện đại hóa thông tin tín hiệu đường sắt các tuyến Hà Nội - Lào Cai; Hà Nội - Đồng Đăng; Hà Nội - Thái Nguyên và khu đầu mối Hà Nội giai đoạn 2 sẽ tiếp tục triển khai vào đầu năm 2016.

Mục tiêu tổng quát: Phát triển hệ thống giao thông vận tải Đường sắt đồng bộ cả về kết cấu hạ tầng, tổ chức quản lý khai thác vận tải, công nghiệp và dịch vụ với trình độ cao.

Giai đoạn đến năm 2020: Nâng cao năng lực, chất lượng vận tải và cải tạo nâng cấp các tuyến Yên Viên - Lào Cai; Gia Lâm - Hải Phòng; Hà Nội - Thái Nguyên; Hà Nội - Lạng Sơn. Đưa vào khai thác toàn tuyến Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân.

11.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới

Với định hướng và triển vọng phát triển của ngành nói trên, Công ty tiếp tục đề ra chiến lược phát triển sau cổ phần hóa, cụ thể xác định rõ mục tiêu phát triển, hoàn thành tốt 100% khối lượng quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt Quốc gia, bám sát các dự án công trình giao thông thuộc phạm vi Công ty quản lý, đổi mới công nghệ thi công, trang thiết bị để tạo ra sản phẩm có tính cạnh tranh cao và nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo giá trị gia tăng cao.

II. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Mục tiêu cổ phần hóa

- Chuyển doanh nghiệp từ hình thức đơn sở hữu Nhà nước thành hình thức đa sở hữu tập thể, tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động khi chuyển sang mô hình công ty cổ phần.
- Huy động vốn từ cán bộ viên chức, người lao động trong Công ty và các nhà đầu tư ngoài Công ty để đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, cơ cấu lại hoạt động sản xuất kinh doanh hợp lý, mở rộng ngành nghề kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp;
- Phát huy vai trò làm chủ thực sự của người lao động, nâng cao trách nhiệm, năng lực và trình độ của bộ máy quản lý, của người lao động và các cổ đông, tăng cường sự giám sát của các nhà đầu tư đối với doanh nghiệp. Đảm bảo hài hoà lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động trong Công ty.
- Thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường; gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán

2. Yêu cầu cổ phần hóa

- Huy động vốn của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, của tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước để đầu tư phát triển doanh nghiệp.
- Đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, các cổ đông và người lao động của Công ty.
- Thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường trong sản xuất kinh doanh.
- Đảm bảo sự phát triển bền vững và ổn định của Công ty TNHH Một Thành viên Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang.

3. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế, Công ty lựa chọn hình thức ***"Kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ"*** theo Điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

4. Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa

Tên tiếng Việt	:	**Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang**
Tên tiếng Anh	:	Bac Giang Railway Signalling and Telecommunication Joint Stock Company
Tên giao dịch gọi tắt	:	Công ty Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang
Địa chỉ	:	Ngõ 6A, Đường Nguyễn Khắc Nhu, Phường Trần

Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang

Điện thoại : 0240.3854406

Fax : 0240.3527022

5. Ngành nghề kinh doanh

Sau cổ phần hóa, Công ty sẽ hoạt động trong các lĩnh vực như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
	Chi tiết:	
	- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt	
	- Sửa chữa máy móc, thiết bị vật tư thông tin, tín hiệu	
	- Sửa chữa máy móc, thiết bị vật tư điện, viễn thông và điều khiển	
2	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
	Chi tiết:	
	- Xây lắp đường dây và trạm biến áp, công trình điện hạ thế, tiếp đất chống sét, điện chiếu sáng, điện dân dụng	
	- Xây dựng các công trình thông tin, tín hiệu giao thông, tin học, viễn thông, điều khiển tự động	
3	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
	Chi tiết:	
	- Kinh doanh khách sạn, du lịch	
	- Kinh doanh nhà khách, nhà nghỉ dịch vụ lưu trú ngắn ngày	
4	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
	Chi tiết:	
	- Kinh doanh dịch vụ quán ăn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	
	- Kinh doanh dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác	
5	Hoạt động thể thao khác	9319
	Chi tiết: Kinh doanh sân chơi cầu lông	
6	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
	Chi tiết:	
	- Tư vấn lập dự án đầu tư, thẩm định báo cáo đầu tư, thẩm định đánh giá	
	- Khảo sát thiết kế các công trình thông tin tín hiệu đường sắt	
	- Giám sát các công trình thông tin tín hiệu đường sắt	
	- Thiết kế hệ thống điện, điều khiển tín hiệu đường sắt	
7	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
	Chi tiết: Buôn bán vật tư thiết bị, phụ kiện và kết cấu thép chuyên ngành thông tin tín hiệu, điện, viễn thông, tin học	
8	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
	Chi tiết:	
	- Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị thông tin, tín hiệu, viễn thông, tin học, điện	
	- Xuất nhập khẩu vật tư, hàng hóa Công ty kinh doanh	

9	Hoạt động viễn thông khác	6190
	Chi tiết:	
	- Kinh doanh dịch vụ công nghệ thông tin tín hiệu và truyền thông	
	- Kinh doanh các dịch vụ viễn thông công ích và công cộng	
10	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
	Chi tiết:	
	- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	
	- Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)	
11	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
	Chi tiết:Đầu tư, kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu và đi thuê	
12	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
	Chi tiết: Tổ chức bán đấu giá tài sản	
13	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
	Chi tiết:	
	- Sản xuất máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư thông tin, tín hiệu	
	- Sản xuất máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư điện, điện tử, truyền thông	
14	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
	Chi tiết: Tổ chức phòng chống lụt bão, ứng phó sự cố thiên tai và cứu nạn đối với hệ thống kết cấu hạ tầng, thiết bị, tài sản, phương tiện vận tải và con người	
15	Xây dựng	
	Chi tiết:	
	Lắp dặt hệ thống điện	4321
	Lắp dặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí	43222
16	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592

6. Cơ cấu tổ chức

Tổ chức sắp xếp lao động theo mô hình tổ chức mới là một trong các biện pháp để Công ty tập trung điều hành sản xuất đạt hiệu quả cao hơn, giảm chi phí hành chính và các chi phí khác; góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý kinh doanh, tăng năng suất lao động nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh khi chuyển sang mô hình công ty cổ phần.

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp; Căn cứ vào nhu cầu phát triển của đơn vị trong những năm tiếp theo, Công ty dự kiến bộ máy tổ chức theo mô hình công ty cổ phần như sau:

Hình 2 : Sơ đồ bộ máy tổ chức của Công ty sau cổ phần hóa

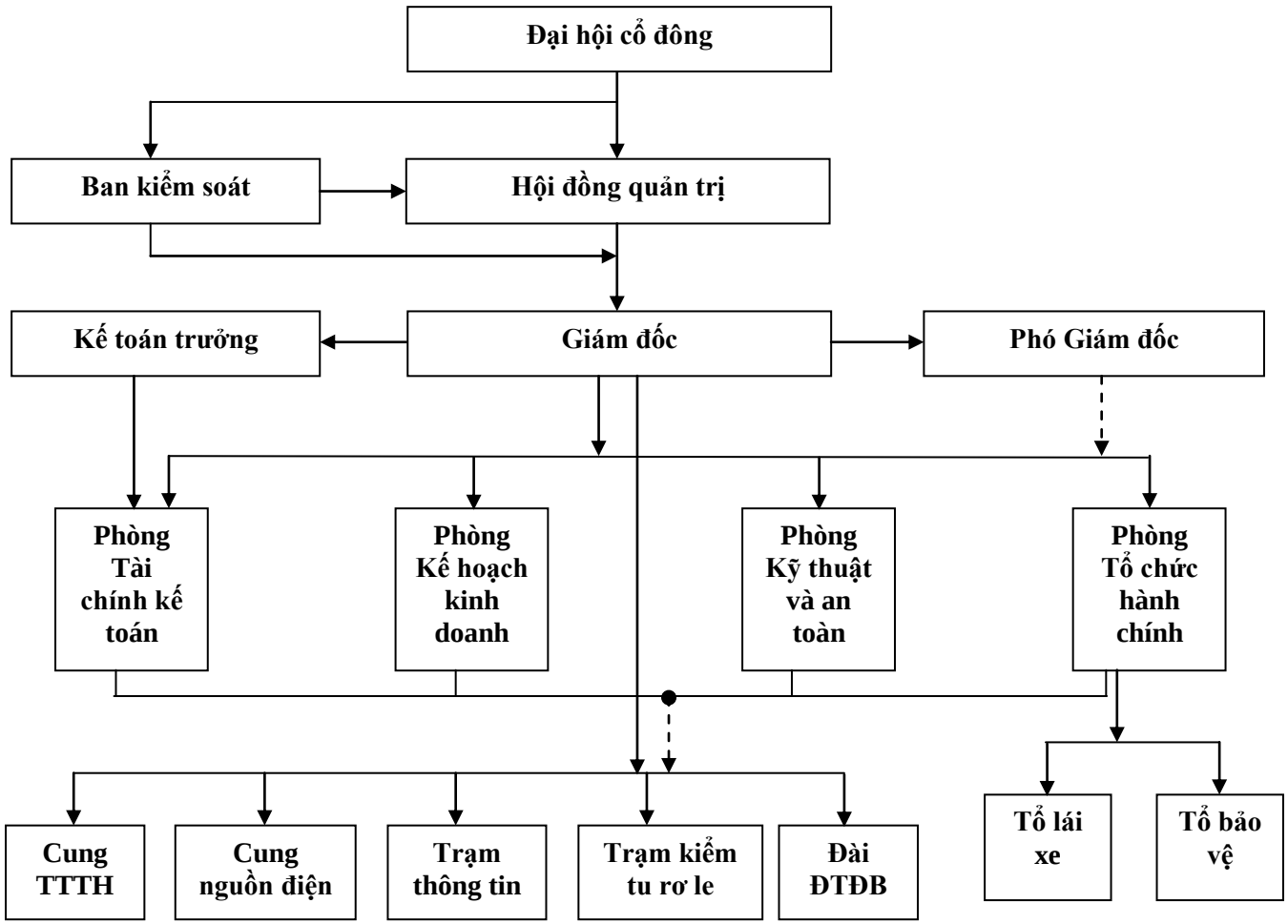

6.1. **Đại hội đồng cổ đông**: là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

6.2. **Hội đồng quản trị**: là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty. Hội đồng quản trị của Công ty dự kiến gồm 03 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

6.3. **Ban Kiểm soát**: thực hiện giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ. Ban kiểm soát của Công ty dự kiến có 3 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

6.4. **Ban Giám đốc**: Gồm Giám đốc và các Phó Giám đốc. Giám đốc là người quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng thuê. Giúp việc cho Giám đốc là các Phó Giám đốc chuyên môn.

6.5. Các phòng ban nghiệp vụ:

6.5.1. Phòng Tài chính Kế toán:

- Quản trị tài chính doanh nghiệp đảm bảo sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn lưu động, tài sản cố định, dòng tiền và các nguồn vốn khác, đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh và thực hiện các mục tiêu phát triển của Công ty;
- Tham mưu cho Chủ tịch, Giám đốc Công ty về nghiệp vụ kế toán, hạch toán, thuế theo quy định của pháp luật, của chủ sở hữu và quy chế tài chính của công ty về hoạt động tài chính- kế toán, nghiệp vụ kế toán và giám sát chế độ sử dụng vốn, quỹ, tài sản trong Công ty, phân tích và xây dựng kế hoạch giá thành của Công ty.

6.5.2. Phòng Kỹ thuật an toàn (KTAT):

- Tham mưu công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng ĐSQG tuân thủ các QCVN, TCVN, QTQP và quy trình, quy tắc quản lý bảo trì, vận hành khai thác hệ thống thiết bị thông tin tín hiệu điện (T^3HĐ);
- Xây dựng và mục tiêu chất lượng hàng năm và tổ chức thực hiện với các biện pháp, giải pháp nâng cao không ngừng chất lượng quản lý, bảo trì thiết bị T^3HĐ và an toàn giao thông;
- Tiếp nhận, cập nhật và ứng dụng chuyển giao công nghệ, xây dựng các chính sách thúc đẩy, phát triển ứng dụng KHCN và sáng kiến cải tiến hợp lý hóa sản xuất, kế hoạch đào tạo nâng cao nghiệp vụ và phổ biến kỹ thuật công nghệ;
- Phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương trong công tác đảm bảo ATGT và hành lang an toàn giao thông đường sắt, ứng phó sự cố thiên tai và cứu nạn giao thông đường sắt.

6.5.3. Phòng Kế hoạch kinh doanh:

- Trực tiếp quản lý, chỉ đạo điều hành, tổ chức các hoạt động sản xuất, kinh doanh trong toàn Công ty. Xây dựng kế hoạch tác nghiệp, tổ chức chỉ đạo thực hiện kế hoạch tác nghiệp sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty;
- Chủ trì, phối hợp với các phòng nghiệp vụ lập phương án giá sản phẩm công ích, kế hoạch quản lý, bảo trì hoặc điều chỉnh kế hoạch hàng năm nguồn sự nghiệp kinh tế,
- Xây dựng kế hoạch sản xuất hàng năm trình chủ sở hữu phê duyệt, làm cơ sở tổ chức giao và thực hiện;
- Lập, giao kế hoạch sản phẩm công ích (SPCI) hàng năm (phân khai cho từng quý) cho các đơn vị trực thuộc và tham mưu quyết toán;
- Tham mưu, quản lý các đầu tên hợp đồng các công trình, dự án ngoài công ích;
- Tham mưu và thực hiện mua sắm, trang cấp vật tư, thiết bị trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật, quy chế của Công ty.

6.5.4. Phòng Tổ chức Hành chính:

- Tổ chức – cán bộ, lao động – tiến lương, quản trị và đào tạo phát triển nguồn nhân lực, bảo vệ chính trị nội bộ.
- Tham mưu xây dựng Nội quy lao động, hệ thống quy chế, quy định nội bộ phục vụ quản lý, điều hành Công ty.
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn vệ sinh lao động và chăm sóc sức khỏe, vệ sinh môi trường.
- Bảo vệ trật tự trị an, dân quân tự vệ, quân sự địa phương, quốc phòng toàn dân, phòng chống cháy nổ, giảm nhẹ thiên tai.
- Hành chính, lễ tân và quản trị văn phòng; thi đua – khen thưởng- kỷ luật, phổ biến tuyên truyền pháp luật.
- Công tác đời sống, nhà ăn ca, quản lý khai thác phương tiện vận tải.
- Quản lý nhà ở - đất của Công ty.

6.5.5. Các Cung, Đài, Trạm:

- Trực tiếp, quản lý, bảo trì hệ thống thiết bị thông tin tín hiệu điện đường sắt trên địa bàn quản lý do công ty giao, đảm bảo chất lượng, độ ổn định cao phục vụ chạy tàu;
- Đảm bảo an toàn giao thông, an toàn công trình và hành lang an toàn giao thông đường sắt, ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn; Công tác phòng chống cháy nổ, dân quân tự vệ, an toàn vệ sinh lao động trên địa bàn.
- Trực tiếp quản lý các công trình kiến trúc, lực lượng lao động, thường xuyên, kiểm tra đôn đốc, giáo dục cán bộ công nhân viên thuộc đơn vị quản lý thực hiện tốt nội quy lao động, quy trình, quy phạm kỹ thuật an toàn trong sản xuất.

7. Một số thông tin chủ yếu về chiến lược phát triển doanh nghiệp và kế hoạch đầu tư sau khi cổ phần hóa

7.1. Mục tiêu phát triển

- Xây dựng Công ty cổ phần TTTH Đường sắt Bắc Giang phát triển vững mạnh trong các lĩnh vực:
  + Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên KCHT Đường sắt;
  + Thi công xây dựng các công trình về TTTH - Điện, giao thông, dân dụng;
  + Kinh doanh, sản xuất và bán hàng các loại về Điện, điện tử, công nghệ…;
  + Đầu tư kinh doanh bất động sản, dịch vụ…
- Xây dựng Công ty phát triển bền vững, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có trình độ quản lý và công nghệ hiện đại, có khả năng cạnh tranh trên thị trường, doanh thu hàng năm tăng cao, đảm bảo đời sống cao cho người lao động; đóng góp đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ đối với Nhà nước..

7.2. Định hướng phát triển:

❖ Định hướng ngành nghề sản phẩm: Tập trung hoàn thành tốt 100% khối lượng quản lý, bảo trì KCHT đường sắt Quốc gia đúng theo hợp đồng đặt hàng của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Bám sát các dự án, công trình giao thông thuộc phạm vi Công ty quản lý để hợp đồng thi công các công trình, phần việc thuộc thế mạnh của Công ty.

❖ Về kỹ thuật, công nghệ: Từng bước đổi mới công nghệ thi công, trang thiết bị tiên tiến, tạo ra sản phẩm có tính cạnh tranh cao, nâng cao chất lượng sản phẩm tạo ra giá trị tăng cao.

a. Công nghệ và đổi mới công nghệ.

- Tiếp cận, áp dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất như: Thi công đào rãnh cáp; nâng, hạ vật tư, thiết bị; đo kiểm và hàn nối cáp quang... thông qua việc liên doanh liên kết với các đơn vị có kinh nghiệm trong quá trình triển khai thực hiện dự án, khai thác triệt để cơ sở vật chất và thiết bị hiện có của Công ty để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận.

- Đầu tư bổ sung thiết bị máy móc mới, hiện đại đáp ứng nhu cầu phục vụ thi công trong giai đoạn tới trên cơ sở dự án khả thi sẽ tiến hành lập phương án đầu tư.

b. Thiết bị và năng lực sản xuất:

Giai đoạn 2016 - 2018 sẽ đầu tư máy móc thiết bị tăng năng lực sản xuất của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên thiết bị	Nước sản xuất	Số lượng	Đơn giá tạm tính	Thành tiền tạm tính	Ghi chú
1	Máy xúc đất gầu 0,18m3	Nhật Bản	01	700	700	Chất lượng 80%
2	Xe ô tô lắp cẩu 2,2 tấn	Hàn Quốc	01	1000	1000	
3	Đài đo kiểm rơ le	Trung Quốc	01	200	200	

8. Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 03 năm liền kề sau khi cổ phần hóa

Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty sau cổ phần hóa giai đoạn 2016 – 2018 cụ thể như sau:

Bảng 15: Kế hoạch kinh doanh sau cổ phần hóa của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2016	2017	2018
1. Vốn điều lệ	7.900	7.900	7.900
Trong đó: Vốn Nhà nước	4.029	4.029	4.029
Tỷ lệ	51%	51%	51%
2. Tổng số lao động (người)	207	207	217
3. Tổng quỹ lương	17.388	18.779	21.261
4. Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	7,0	7,6	8,2
5. Doanh thu Công ty	38.500	41.530	44.863
- Trong ngành	*30.300*	*33.330*	*36.663*

- Ngoài ngành	8.200	8.200	8.200
6. Chi phí Công ty	37.275	40.210	43.428
7. Lợi nhuận trước thuế Công ty	1.225	1.320	1.435
8. Lợi nhuận sau thuế Công ty	980	1.056	1.148
9. Phân bổ các quỹ (30% LNST)	294	317	344
10. Tỷ lệ cổ tức	8,6%	9,3%	10,4%
11. Cổ tức chi trả	686	739	804
12. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	12,4%	13,4%	14,5%
13. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	2,55%	2,54%	2,56%

Các giải pháp thực hiện kế hoạch:

Để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa đề ra như trên, Công ty TNHH Một Thành viên Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang đề ra các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện như sau:

a) Giải pháp về nâng cao năng lực về thiết bị, công nghệ, cơ sở nhà đất

- Tập trung khắc phục sửa chữa những thiết bị hiện có, rà soát lại các thiết bị không sử dụng tiến hành thanh lý để thu hồi vốn; đầu tư công nghệ tiên tiến, tiết kiệm nhiên liệu, bảo vệ môi trường để đảm nhận thi công được các dự án công trình, sản phẩm dịch vụ trúng thầu hoặc được giao;
- Rà soát nguồn lực hiện có, xây dựng phương án quản lý, sử dụng, khai thác hiệu quả, phát huy được tối đa tất cả các nguồn lực hiện có;
- Tích cực triển khai nghiên cứu ứng dụng, đầu tư cho đổi mới quản trị, công nghệ, đổi mới sản phẩm dịch vụ, từng bước nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm, đáp ứng tiêu chuẩn môi trường; thay thế dần các thiết bị, công nghệ tiêu tốn nhiều năng lượng, nguyên liệu để không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm; tiếp cận nhanh với công nghệ và kỹ thuật xây dựng, tạo sản phẩm tiên tiến, tăng cường hiệu quả kinh doanh, phát triển bền vững;
- Quản lý thiết bị: Thiết bị điều động phải phù hợp với phương án quản lý bảo trì hoặc thi công công trình. Thiết bị giao cho công nhân hay thợ vận hành có trình độ kỹ thuật được đào tạo, bảo quản và sử dụng thiết bị tốt. Thiết bị được bảo dưỡng, sửa chữa theo đúng định kỳ quy định;
- Có phương án sử dụng hợp lý, hiệu quả các cơ sở nhà đất Công ty quản lý.

b) Giải pháp về tổ chức, quản lý, điều hành

- Xây dựng mô hình tổ chức sản xuất của Công ty đảm bảo gọn nhẹ, hiệu quả; tính toán phương án thi công tối ưu nhất để vừa tiết kiệm vừa mang lại hiệu quả kinh tế cao;

- Phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ năng lực, chuyên môn hoá cao nhằm phát huy tối đa tính chủ động sáng tạo của các bộ phận, cá nhân;
- Căn cứ quy mô, điều kiện thực tế của công trình, dự án thi công để thành lập Ban chỉ đạo nhằm chỉ đạo, điều hành dự án có hiệu quả;
- Các đơn vị sản xuất trực tiếp có nhiệm vụ: Trực tiếp sản xuất, bảo dưỡng thường xuyên, thi công các công trình theo kế hoạch, tiến độ đã đề ra; Trực tiếp quản lý và sử dụng các nguồn lực: Máy móc thiết bị, nguyên nhiên vật liệu, lao động vào tổ chức thi công một cách có hiệu quả nhất;
- Thực hiện quyết liệt công tác khoán và quyết toán khoán trên các công trình và hạng mục công trình trên cơ sở gắn trách nhiệm của cán bộ phụ trách, giữa tiền thu nhập của người lao động và giá trị sản lượng làm ra;
- Huy động đầy đủ nhân lực, thiết bị thi công theo cam kết tại hồ sơ dự thầu với Chủ đầu tư, bảo đảm thi công đạt yêu cầu về chất lượng và theo tiến độ được duyệt;
- Phát huy tính chủ động sáng tạo của các đơn vị trực thuộc trong điều hành sản xuất với phương châm thi công nhanh, an toàn và hiệu quả. Hoàn thành sớm các thủ tục, hồ sơ hoàn công và thanh toán gửi Chủ đầu tư;
- Tiếp tục duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO toàn công ty, từng bước thực hiện văn hóa doanh nghiệp;
- Xây dựng và ban hành hệ thống quy chế, quy định về tổ chức quản lý và tổ chức thực hiện có hiệu quả;
- Hàng năm, Công ty có kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn, tay nghề cho CBCNV-NLĐ, có hướng quy hoạch cán bộ lâu dài, đội ngũ kế cận và có kế hoạch tiếp nhận tuyển dụng kỹ sư, cán bộ kỹ thuật, nhân viên có nghiệp vụ giỏi và công nhân chuyên ngành có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tay nghề cao;
- Phát động phong trào thi đua thường xuyên, hàng quý, hàng tháng trên các công trình trọng điểm, các giai đoạn cần thiết, thi đua hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng.

c) Giải pháp về lao động tiền lương

❖ *Về chính sách lao động:*

- Đảm bảo đủ số lượng và chất lượng lao động phù hợp với quy mô tổ chức sản xuất của Công ty trong từng giai đoạn cụ thể;
- Không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ kỹ thuật, quản lý bằng các biện pháp cụ thể: Cử đi học các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước;
- Tổ chức đào tạo, nâng cao tay nghề của đội ngũ công nhân kỹ thuật, nhân viên bằng các hình thức như: Đào tạo tại chỗ và cử đi học các trường đào tạo nghề;
- Xây dựng tiêu chuẩn viên chức chuyên môn nghiệp vụ gắn liền với các chức danh để tuyển dụng và bố trí cán bộ;

- Đưa ra các chính sách đãi ngộ thoả đáng nhằm thu hút những cán bộ kỹ thuật, quản lý có trình độ chuyên môn cao; Công nhân kỹ thuật có trình độ lành nghề; nhân viên có nghiệp vụ giỏi…;
- Rà soát nguồn nhân lực hiện có, sắp xếp lao động hợp lý, có kế hoạch tuyển dụng lao động có tay nghề, kỹ sư thiết kế sản phẩm dịch vụ, nhân viên có nghiệp vụ giỏi… để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh trong giai đoạn tới.

❖ *Về chính sách tiền lương:*

- Xây dựng đơn giá tiền lương trên cơ sở định mức lao động hợp lý;
- Đối với lao động trực tiếp: Khoán tiền lương theo từng đơn vị sản phẩm, hạng mục công việc đến từng tổ sản xuất và người lao động;
- Đối với lao động gián tiếp: Trả lương phù hợp với năng suất làm việc cụ thể của từng người; Khoán mức lương cụ thể cho từng phòng ban, cơ quan các Xí nghiệp theo nhiệm vụ được giao;
- Có chế độ khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, trong kinh doanh bán hàng mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty;
- Thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động: Trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp …

d) Giải pháp về tìm kiếm việc làm:

Công tác tìm kiếm việc làm được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tổ chức sản xuất và đề ra các giải pháp cụ thể như:

- Tập trung tìm kiếm các công trình, dự án có nguồn vốn đầu tư rõ ràng;
- Nâng cao năng lực đấu thầu và năng lực cho bộ phận, cán bộ làm công tác đấu thầu, cán bộ nhân viên kinh doanh;
- Tiếp tục củng cố và giữ vững các thị trường, địa bàn đã có và mở rộng các địa bàn trong cả nước, nước ngoài;
- Tăng cường hợp tác bằng các hình thức liên danh liên kết với các công ty bạn, xây dựng mối quan hệ tốt với các đối tác tránh rủi ro trong tìm kiếm việc làm;

e) Giải pháp về công tác chính trị, tư tưởng, đoàn thể

- Xây dựng và thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành;
- Đảng bộ Công ty thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành đưa ra các đường lối, chủ trương, các biện pháp, giải pháp cụ thể để thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ Đảng viên, người lao động thực hiện đúng đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước;
- Xây dựng đảng và các tổ chức chính trị phát triển vững mạnh;

- Tăng cường giáo dục đội ngũ cán bộ CNVNLĐ phát huy truyền thống trưởng thành và phát triển của Công ty để đưa Công ty ngày càng phát triển một cách vững chắc;
- Các Đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên thường xuyên phối hợp với Hội đồng Quản trị, Giám đốc điều hành đưa ra các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kinh tế xã hội Công ty đề ra; động viên tinh thần đối với người lao động thuộc tổ chức mình để họ phấn khởi yên tâm thi đua lao động sản xuất;
- Phát động các phong trào thi đua rộng khắp trên các Xí nghiệp, công trường nhằm động viên các bộ phận đơn vị hoàn thành nhiệm vụ; Khen thưởng kịp thời về vật chất và tinh thần cho các đơn vị, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;
- Có các giải pháp thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở trong Công ty cổ phần;
- Quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động bằng cách thường xuyên tổ chức các hoạt động phong trào: Thể dục thể thao, văn hoá, văn nghệ ...

f) Giải pháp tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí

Tiết kiệm phòng chống tham nhũng, lãng phí là một trong những giải pháp quan trọng để thực hiện thành công các chỉ tiêu kinh tế xã hội Công ty đã đề ra:

- Tuyên truyền, giáo dục, học tập luật phòng chống tham nhũng, lãng phí cho cán bộ, đảng viên và người lao động trong toàn Công ty;
- Thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong quá trình sản xuất, tiêu dùng;
- Có chế độ khen thưởng xứng đáng cho những tập thể cá nhân có thành tích trong tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí.

III. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ

Quy mô vốn điều lệ, tỷ lệ sở hữu của Nhà nước và tỷ lệ chào bán cổ phần ra công chúng sau cổ phần hóa của Công ty dự kiến như sau:

Vốn điều lệ : **7.900.000.000 đồng** (*Bảy tỷ, chín trăm triệu đồng*).

Mệnh giá cổ phần : **10.000 đồng/cổ phần** (*Mười nghìn đồng/cổ phần*).

Số lượng cổ phần : **790.000 cổ phần** *(Bảy trăm chín mươi nghìn cổ phần*)

Cơ cấu vốn điều lệ:

TT	Danh mục	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ /VĐL (%)
1	**Cổ phần Nhà nước nắm giữ**	**402.900**	**4.029.000.000**	**51,00%**
2	**Cổ phần bán cho người lao động**	**247.870**	**2.478.700.000**	**31,38%**
2.1	*Cổ phần ưu đãi cho người lao động theo số năm công tác*	*195.670*	*1.956.700.000*	*24,77%*
2.2	*Cổ phần bán thêm cho người lao động theo số năm cam kết làm việc (200 CP/năm)*	*32.400*	*324.000.000*	*4,10%*
2.3	*Cổ phần bán thêm cho cán bộ có trình độ chuyên môn cao (500 CP/năm)*	*19.800*	*198.000.000*	*2,51%*
3	**Cổ phần bán cho tổ chức công đoàn**	**3.950**	**39.500.000**	**0,5%**
4	**Cổ phần bán đấu giá ra công chúng**	**135.280**	**1.352.800.000**	**17,12%**
Tổng cộng		**790.000**	**7.900.000.000**	**100%**

IV. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp. Công ty TNHH Một thành viên Thông tin tín hiệu Đường sắt Bắc Giang là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế nên cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ sự thay đổi của những nhân tố đó.

Tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình.

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm

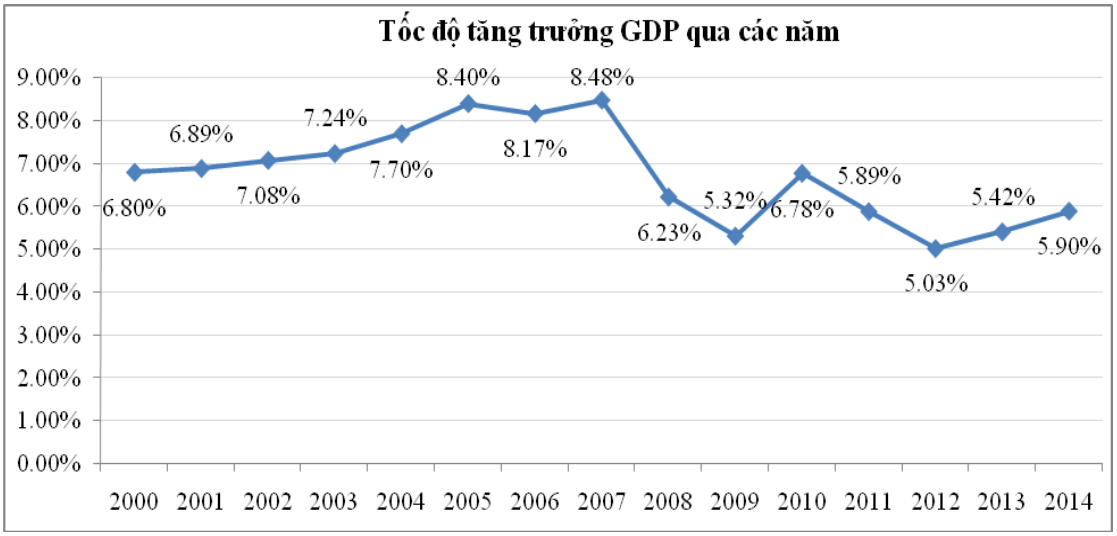

Nguồn: GSO, MBS tổng hợp

Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức tương đối cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Tốc độ tăng trưởng GDP trung bình giai đoạn 2010-2014 đạt 5,8%, phản ánh những bước tiến vững chắc, đúng hướng của Việt Nam cũng như phần nào cho thấy tiềm năng phát triển của Việt Nam trong những năm tới.

Việc áp dụng các chính sách vĩ mô một cách hiệu quả của Chính phủ sẽ là một trong những nhân tố giúp giảm rủi ro về kinh tế đối với các doanh nghiệp nói chung và và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp nói riêng.

Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Theo những số liệu được công bố, trong những năm gần đây Việt Nam đang đứng trước sức ép gia tăng lạm phát. Tỷ lệ lạm phát giai đoạn 2000 - 2014 cụ thể như sau.

Hình 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm

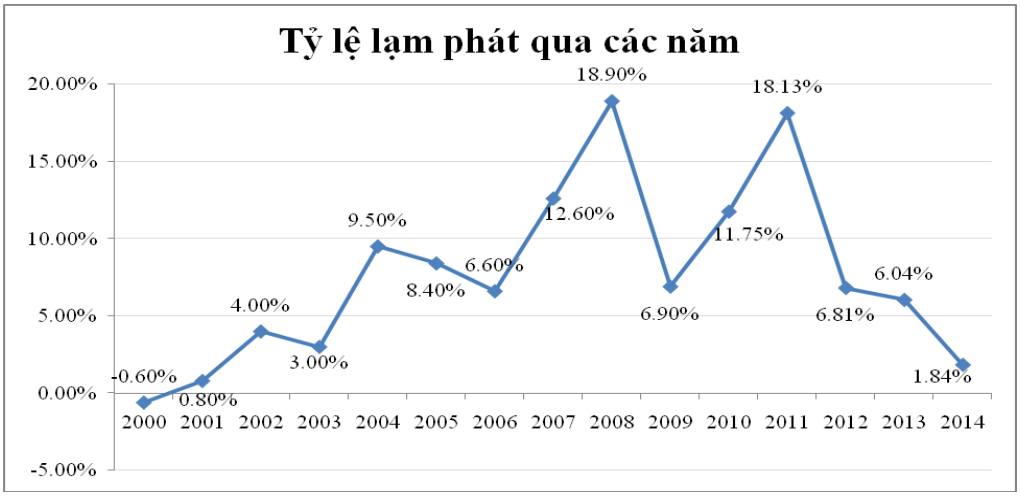

Nguồn: GSO, MBS tổng hợp

Trong quá trình phát triển kinh tế, lạm phát ở Việt Nam xảy ra với xu hướng tăng và biến động với biên độ khá lớn góp phần tạo ra những biến động bất thường của giá cả nguyên nhiên vật liệu đầu vào, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

Thời kỳ 1996-2003 được coi là thiểu phát, khi CPI tăng rất thấp. Thời kỳ từ 2004 đến nay là thời kỳ lạm phát cao trở lại, gần như lặp đi lặp lại, cứ 2 năm tăng cao mới có 1 năm tăng thấp hơn. Năm 2004 tăng 9,5%, năm 2005 tăng 8,4%, thì năm 2006 tăng 6,6%. Năm 2007 tăng 12,63%, năm 2008 tăng 19,89%, thì năm 2009 tăng 6,52%. Năm 2010 tăng 11,75%, năm 2011 tăng 18,13%. Đến năm 2012, tỷ lệ lạm phát được kiểm soát với mức tăng 6,81%, bằng 1/3 so với mức tăng của năm 2011, hoàn thành chỉ tiêu dưới 10% của năm 2012 mà Chính phủ đã đặt ra từ đầu năm. Kết thúc năm 2013, các điều kiện kinh tế vĩ mô của Việt Nam đã ổn định đáng kể so với thời kỳ bất ổn đầu năm 2012.

Ngay từ đầu năm 2014, Chính phủ đã tiếp tục kiên định mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, trong đó, kiểm soát lạm phát là một trong những trụ cột quan trọng. Kết quả này lại tiếp tục được thể hiện qua chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2014, chỉ tăng 1,84% so với tháng 12/2013, chỉ bằng 26,2% chỉ tiêu mức lạm phát của Quốc hội đặt ra (7%) và bằng 37% mức dự kiến lạm phát của Chính phủ (5%). Đây là dấu hiệu đáng mừng cho các doanh nghiệp trong nước nói chung và Công ty nói riêng.

2. Rủi ro về luật pháp

Hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện, việc vận dụng pháp luật vào thực tế hoạt động kinh doanh còn khó khăn, không kịp thời và thiếu nhất quán; thêm vào đó vẫn còn tồn tại nhiều quy định phức tạp, chồng chéo

nhau trong vấn đề đất đai nói riêng và hệ thống văn bản pháp quy nói chung.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau như Luật Doanh nghiệp, Luật Bảo vệ Mội trường, Luật BHXH…. Theo dự kiến, các sắc Luật này vẫn còn có sự sửa đổi cho phù hợp hơn, chặt chẽ hơn trong thời gian tới. Do đó, cũng phần nào tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, có thể thấy được mặt tích cực từ những thay đổi này đó là tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ Quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn.

3. Rủi ro đặc thù ngành nghề hoạt động

Hoạt động SXKD ngoài công ích của Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu Đường sắt Bắc Giang gắn liền với các công trình, dự án, các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây lắp công trình. Do đó, biến động trong đầu tư, dự án các công trình của Nhà nước, của các chủ đầu tư sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh ngoài công ích của Công ty.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Sự thành công của đợt chào bán cổ phần của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức đấu giá, các diễn biến của nền kinh tế vĩ mô. Những dấu hiệu bất lợi của các yếu tố này có ảnh hưởng đến tâm lý của các nhà đầu tư và khả năng hấp thụ của thị trường.

5. Rủi ro khác

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hỏa hoạn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

V. CỔ PHẦN CHÀO BÁN

1. Thông tin chung về đợt chào bán

Tên cổ phần:	Cổ phần Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Bắc Giang
Vốn điều lệ dự kiến:	7.900.000.000 đồng
Số cổ phần dự kiến phát hành:	790.000 cổ phần
Loại cổ phần:	Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần

2. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần

2.1. Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động

Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động được thực hiện tại công ty theo danh sách đã được hội nghị đại biểu người lao động bất thường thông qua:

a) Chào bán cho người lao động đủ điều kiện mua cổ phần ưu đãi theo số năm công tác

Số cổ phần CBCNV trong Công ty được mua theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ được tính tối đa 100 cổ phần cho một năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà Nước, giá bán cổ phần ưu đãi trong trường hợp này bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước). Cụ thể:

- Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp là 235 người.
- Tổng số CBCNV được mua cổ phần ưu đãi theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực nhà nước là: 235 người.
- Số lao động không đủ điều kiện mua cổ phần ưu đãi (do thời gian công tác tại doanh nghiệp dưới 01 năm) là: 0 người
- Tổng số cổ phần ưu đãi được mua theo số năm công tác là: 420.500 cổ phần
- Tổng số cổ phần của người lao động của Công ty TNHH Một Thành viên Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang đăng ký mua ưu đãi theo số năm công tác là: **195.670 cổ phần** với tổng giá trị là 1.956.700.000 đồng, chiếm 24,77% vốn điều lệ của Công ty cổ phần.

(*Danh sách người lao động, số năm công tác của từng người, số cổ phần được mua ưu đãi của từng người được nêu chi tiết trong Phụ lục 01 Phương án sử dụng lao động và cổ phần bán cho cán bộ công nhân viên đính kèm).*

b) Chào bán thêm cho cán bộ công nhân viên có cam kết làm việc và cán bộ công nhân viên có trình độ cao

Số cổ phần bán ưu đãi cho người lao động cam kết làm việc tại Công ty cổ phần theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/7/2011 cụ thể như sau:

"Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp tại Công ty nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.

Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao bao gồm cán bộ từ cấp trưởng ban trở lên tại chi nhánh, đơn vị trực thuộc và cấp phó trưởng phòng trở lên tại cơ quan Công ty được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp tại Công ty nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động".

Theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước).

- Số lao động được mua thêm cổ phần theo thời gian cam kết làm việc tại công ty cổ phần là: 205 người
- Số lao động đăng ký mua thêm cổ phần theo thời gian cam kết làm việc tại công ty cổ phần là: 54 người
- Tổng số cổ phần chào bán thêm cho cán bộ công nhân viên theo số năm cam kết làm việc và cán bộ công nhân viên trình độ cao của Công ty TNHH Một Thành viên Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang là: **52.200 cổ phần** với tổng giá trị là 522.000.000 đồng, chiếm 6,61% vốn điều lệ của Công ty cổ phần.

Như vậy, tổng số cổ phần chào bán cho người lao động của Công ty TNHH Một Thành viên Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang là **247.870 cổ phần** với tổng giá trị là 2.478.700.000 đồng, chiếm 31,38% vốn điều lệ của Công ty cổ phần.

2.2. Cổ phần bán cho tổ chức công đoàn của Công ty

Công đoàn cơ sở tại Công ty được sử dụng nguồn quỹ công đoàn (theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Công đoàn; không huy động, vay vốn) để mua cổ phần ưu đãi nhưng không quá 3% vốn điều lệ. Số cổ phần ưu đãi này do tổ chức công đoàn nắm giữ nhưng không được chuyển nhượng. Trường hợp tổ chức công đoàn cơ sở tại Công ty được Đại hội cán bộ, công nhân viên chức của Công ty ủy quyền sử dụng nguồn quỹ khen thưởng, phúc lợi để mua và thay mặt cán bộ công nhân viên chức quản lý cổ phần này thì số cổ phần này được giảm trừ vào số lượng cổ phần ưu đãi người lao động được mua theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP và tổ chức công đoàn được quyền chuyển nhượng hoặc mua lại số cổ phần được mua từ quỹ khen thưởng, phúc lợi khi có yêu cầu của người lao động.

Giá bán cổ phần ưu đãi cho tổ chức công đoàn tại Công ty là giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước).

Tổng số cổ phần ưu đãi bán cho tổ chức công đoàn của Công ty là **3.950 cổ phần** với tổng giá trị là 39.500.000 đồng, chiếm 0,5% vốn điều lệ của Công ty cổ phần.

2.3. Cổ phần bán đấu giá công khai ra công chúng

Tên cổ phần:	Cổ phần Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Bắc Giang
Loại cổ phần:	Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
Số lượng cổ phần bán đấu giá công khai:	**135.280** cổ phần (*tương ứng 17,12% vốn điều lệ*)
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Giá khởi điểm bán đấu giá:	10.000 đồng/cổ phần
Đối tượng chào bán:	Các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước đáp ứng được các điều kiện quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu Đường sắt Bắc Giang
Phương thức đấu giá:	Cổ phần được chào bán theo hình thức đấu giá tại Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu Đường sắt Bắc Giang
Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần:	Công ty cổ phần Chứng khoán MB
Tổ chức tư vấn bán đấu giá cổ phần:	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB.
Thời gian và địa điểm đăng ký:	Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu Đường sắt Bắc Giang do Công ty cổ phần Chứng khoán MB ban hành

3. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

3.1. Đối với cổ phần bán ưu đãi cho người lao động

Thời gian bán cổ phần cho người lao động: Sau khi bán đấu giá công khai

Phương thức và thời hạn thanh toán do Công ty TNHH Một thành viên Thông tin tín hiệu Đường sắt Bắc Giang quy định.

3.2. Đối với cổ phần bán cho tổ chức công đoàn

Thời gian bán cổ phần cho tổ chức công đoàn: Sau khi bán đấu giá công khai

Phương thức và thời hạn thanh toán do Công ty TNHH Một thành viên Thông tin tín

hiệu Đường sắt Bắc Giang quy định

3.3. Đối với cổ phần bán đấu giá công khai ra công chúng

Phương thức và thời hạn thanh toán được quy định cụ thể trong "Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài Công ty TNHH Một thành viên Thông tin tín hiệu Đường sắt Bắc Giang" do Công ty cổ phần Chứng khoán MB ban hành.

4. Xử lý số cổ phần không bán hết

Số cổ phần không bán hết (nếu có) sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 40 Nghị định 59/2011/NĐ-CP. Trường hợp chào bán công khai theo phương thức thỏa thuận mà vẫn không bán hết thì Báo cáo Bộ Giao thông Vận tải thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ. Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu Đường sắt Bắc Giang và người đại diện phần vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp cổ phần có trách nhiệm bổ sung vào dự thảo vốn Điều lệ để thông qua Đại hội đồng cổ đông lần đầu về quyền bán tiếp phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu Đường sắt Bắc Giang sau khi Công ty đã chính thức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 theo phương án cổ phần hóa đã được Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt.

5. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa

Việc quản lý, sử dụng tiền thu được từ bán cổ phần hóa được thực hiện theo quy định tại Điều 42 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 và Mục III, Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011. Số tiền thu từ bán phần vốn nhà nước (bao gồm cả chênh lệch giá bán cổ phần) sau khi sử dụng để thanh toán chi phí cổ phần hóa và chi giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp theo chế độ nhà nước quy định và quyết định của cơ quan có thẩm quyền được nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của Nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách Nhà nước như sau:

TT	Nội dung	Số tiền(đồng)	Ghi chú
A	**Vốn điều lệ Công ty cổ phần**	**7.900.000.000**	
B	**Vốn nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại**	**5.290.080.000**	
C	**Tiền dự kiến thu từ việc bán cổ phần**	**3.072.520.000**	
-	*Từ bán cổ phần ưu đãi cho cán bộ công nhân viên theo số năm công tác*	*1.174.020.000*	*bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất*
-	*Từ bán cổ phần ưu đãi cho CBCNV cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần*	*522.000.000*	*bằng giá đấu thành công thấp nhất*
-	*Từ bán cổ phần cho tổ chức công đoàn*	*23.700.000*	*bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất*

TT	Nội dung	Số tiền(đồng)	Ghi chú
-	*Từ bán đấu giá cổ phần ra bên ngoài*	*1.352.800.000*	
D	**Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm để lại doanh nghiệp (D=A-B)**	**2.609.920.000**	
E	**Chi phí cổ phần hóa dự kiến**	**300.000.000**	
F	**Chi phí xử lý lao động dôi dư**	**2.393.844.013**	
G	**Phần thặng dư vốn để lại doanh nghiệp tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm/Vốn điều lệ**	**0**	
	Số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (= C-D-E-F-G)	**(2.231.244.013)**	

Ghi chú:

Tính toán trên dựa trên các giả định là:

- Các đối tượng được chào mua cổ phần mua hết số lượng cổ phần được chào mua.
- Giá đấu thành công thấp nhất tạm thời tính bằng giá khởi điểm dự kiến là 10.000 đồng/cổ phần.
- Sau khi hoàn thành việc đấu giá chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng, số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam của Công ty TNHH Thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang sẽ được điều chỉnh. Hiện tại, số tiền dự kiến nộp về Quỹ là âm do Công ty không có nguồn dành cho việc xử lý lao động dôi dư nên đề nghị được Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam cấp bù.

6. Lộ trình đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Bắc Giang sẽ hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

VI. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÁC THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa

Ông Trần Ngọc Thành	Chủ tịch HĐTV Tổng công ty Đường sắt Việt Nam - Trưởng ban
Ông Vũ Tá Tùng	Tổng giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam - Phó trưởng ban thường trực
Ông Nguyễn Công Tài	Phó Vụ trưởng Vụ Quản lý doanh nghiệp, Bộ Giao thông vận tải – Phó trưởng ban
Ông Mai Thành Phương	Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty Đường sắt Việt Nam - Ủy viên
Ông Đoàn Duy Hoạch	Phó Bí thư thường trực Đảng ủy, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam - Ủy viên
Ông Đới Sĩ Hưng	Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam - Ủy viên
Bà Lê Thị Nhuận	Kế toán trưởng Tổng công ty Đường sắt Việt Nam - Ủy viên
Ông Cao Minh Tuân	Trưởng ban TCCB-LĐ, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam - Ủy viên
Bà Đỗ Thanh Hà	Trưởng ban Kế hoạch Kinh doanh, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam - Ủy viên
Ông Phạm Minh Khôi	Trưởng ban Quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam - Ủy viên
Ông Nguyễn Hữu Tuyên	Trưởng ban Vận tải và Đầu máy toa xe, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam - Ủy viên
Ông Hoàng Đăng Khoa	Trưởng ban Kiểm soát nội bộ, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam - Ủy viên
Bà Đỗ Thị Hồng Châu	Phó Trưởng ban TCCB-LĐ, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam – Ủy viên thư ký
Ông Lê Anh Tuấn	Chuyên viên Vụ QLDN, Bộ Giao thông vận tải - Ủy viên
Ông Đinh Công Minh	Chuyên viên chính Vụ QLDN, Bộ Giao thông vận tải - Ủy viên
Ông Đoàn Cảnh Hoàng	Chuyên viên chính Vụ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải- Ủy viên
Ông Trần Trọng Ngôn	Chuyên viên chính Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Giao thông vận tải - Ủy viên
Ông Vũ Công Khuyến	Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu đường sát Bắc Giang - Ủy viên

Chúng tôi cam kết rằng các thông tin và số liệu ghi trong Bản công bố thông tin này là

phù hợp với thực tế về tài sản, tình hình, báo cáo tài chính, triển vọng kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viên Thông tin tín hiệu Đường sắt Bắc Giang.

2. Doanh nghiệp cổ phần hóa

Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu Đường sắt Bắc Giang

Ông Vũ Công Khuyến	Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Kế toán trưởng

Chúng tôi cam kết rằng các thông tin và số liệu ghi trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế về tài sản, tình hình, báo cáo tài chính, triển vọng kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viên Thông tin tín hiệu Đường sắt Bắc Giang.

3. Tổ chức tư vấn bán đấu giá

Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Ông Trần Hải Hà	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tú	Giám đốc Dịch vụ Ngân hàng đầu tư
Bà Trần Hải Yến	Chuyên viên Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán cổ phần của Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Bắc Giang do Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("MBS") tham gia lập và công bố trên cơ sở Hợp đồng số 31/2015/MBS-HĐTV ký giữa Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Bắc Giang và MBS. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này được phản ánh trung thực dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH Một thành viên Thông tin tín hiệu Đường sắt Bắc Giang cung cấp. Bản Công bố thông tin này chỉ có giá trị để tham khảo.

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2015

ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO CPH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
TCT ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
(Đã ký)

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN

CÔNG TY TNHH MTV THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT BẮC GIANG

(Đã ký)

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

(Đã ký)